

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Bình

Giảng viên hướng dẫn: THS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH
MTV CÔNG NGHIỆP NHỰA KIM SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Phạm Thị Bình

Giảng viên hướng dẫn: THS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Bình

Mã SV: 1712401033

Lớp : QT2101K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại

Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu, CCDC năm 2019 tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : *Hòa Thị Thanh Hương*

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : *Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 10 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Th.S Hòa Thị Thanh Hương**

Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh

Họ và tên sinh viên: **Phạm Thị Bình - QT2101K; Chuyên ngành: KT - KT**

Nội dung hướng dẫn:

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- ✓ Hoàn thành tiến độ các chương theo qui định của GV hướng dẫn;
- ✓ Có trách nhiệm với công việc được giao;

2. Đánh giá chất lượng của đề án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- ✓ Khóa luận tốt nghiệp có bố cục hợp lý;
- ✓ Đã khái quát hóa được lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo Thông tư 200 /2014/TT-BTC;
- ✓ Phản ánh được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn với số liệu logic;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng tại Công ty TNHH Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2020

Giảng viên hướng dẫn

Th.S Hòa Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	1
DANH MỤC SƠ ĐỒ	2
LỜI MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC.....	4
1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu (NVL) và công cụ dụng cụ (CCDC) trong doanh nghiệp.....	4
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của NVL và CCDC.....	4
1.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của NVL.	4
1.1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của CCDC.....	4
1.1.2. Vị trí, vai trò của NVL và CCDC trong doanh nghiệp.	4
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán NVL và CCDC trong doanh nghiệp.	5
1.1.3.1. Yêu cầu quản lý của kế toán NVL và CCDC.....	5
1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán NVL và CCDC.....	6
1.1.4. Phân loại NVL và CCDC.....	6
1.1.4.1. Phân loại NVL.....	6
1.1.4.2. Phân loại CCDC.....	8
1.1.5. Tính giá NVL và CCDC trong doanh nghiệp theo thông tư 200/214/TT-BTC.	9
1.1.5.1. Tính giá NVL và CCDC nhập kho.	9
1.1.5.2. Tính giá NVL và CCDC xuất kho.....	10
1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.	12
1.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán chi tiết.....	12
1.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết NVL và CCDC trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.....	16
1.2.2.1. Phương pháp thẻ song song.	16
1.2.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.	18
1.2.2.3. Phương pháp sổ số dư.....	20

1.2.3. Tổ chức kế toán tổng hợp NVL và CCDC trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.....	22
1.2.3.1. Phương pháp kê khai thường xuyên.....	23
1.2.3.2. Phương pháp kiểm kê định kỳ.....	26
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.	27
1.3.1. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Nhật ký chung.	27
1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	29
1.3.3. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	31
1.3.4. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	33
1.3.5. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Kế toán máy.	35
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP NHỰA KIM SƠN.....	37
2.1. Khái quát về Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.....	37
2.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.....	37
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.	38
2.1.2.1. Chức năng của Công ty.....	38
2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty.....	39
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.....	39
2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.	43
2.1.4.1. Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty.....	43
2.1.4.2. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty.	45
2.1.4.3. Các chính sách kế toán của Công ty.....	46
2.2. Thực trạng công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.	47
2.2.1. Khái quát chung về NVL và CCDC của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.....	47

2.2.1.1. Nguyên vật liệu của Công ty	47
2.2.1.2. Công cụ dụng cụ của Công ty.....	47
2.2.2. Tính giá NVL và CCDC của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn. 48	
2.2.2.1. Tính giá NVL và CCDC nhập kho.	48
2.2.2.2. Tính giá NVL và CCDC xuất kho.....	49
2.2.3. Trình tự, thủ tục nhập, xuất kho NVL và CCDC của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.....	50
2.2.3.1. Trình tự, thủ tục nhập kho NVL và CCDC.	50
2.2.3.2. Trình tự, thủ tục xuất kho NVL và CCDC.	61
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán chi tiết NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.	67
2.2.5. Thực trạng công tác kế toán tổng hợp NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.	76
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH MVT CÔNG NGHIỆP NHỰA KIM SƠN.	84
3.1. Đánh giá khái quát về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán NVL, CCDC nói riêng tại công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.	84
3.1.1. Ưu điểm.....	84
3.1.2. Nhược điểm.....	85
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.....	87
3.2.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty nên lập sổ danh điểm vật tư.	87
3.2.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ.	90
3.2.3. Ý kiến thứ ba: Công ty nên hiện đại hóa công tác kế toán.	92
KẾT LUẬN	95
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	96

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0002421	53
Biểu 2.2: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa số 07	54
Biểu 2.3: Phiếu nhập kho số 007.....	55
Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT số 000326	57
Biểu 2.5: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa số 09	58
Biểu 2.6: Phiếu nhập kho số 009.....	59
Biểu 2.7: Phiếu chi số 007.....	60
Biểu 2.8: Giấy đề nghị cấp vật tư.....	62
Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 001.....	63
Biểu 2.10: Giấy đề nghị cấp vật tư.....	65
Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 004.....	66
Biểu 2.12: Thẻ kho hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW	69
Biểu 2.13: Sổ chi tiết NVL hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW	70
Biểu 2.14: Bảng tổng hợp chi tiết NVL	71
Biểu 2.15: Thẻ kho bộ bảo hộ lao động FDI.....	73
Biểu 2.16: Sổ chi tiết CCDC bộ bảo hộ lao động FDI.....	74
Biểu 2.17: Bảng tổng hợp chi tiết CCDC	75
Biểu 2.18: Trích sổ nhật ký chung	79
Biểu 2.19: Trích Sổ cái TK 152	80
Biểu 2.20: Trích Sổ nhật ký chung.....	82
Biểu 2.21: Trích Sổ cái TK 153	83
Biểu 3.1: Sổ danh điểm nguyên vật liệu	88
Biểu 3.2: Sổ danh điểm công cụ dụng cụ.....	89
Biểu 3.3: Sổ giao nhận chứng từ.....	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp thẻ song song.....	18
Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	20
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ số dư	22
Sơ đồ 1.4: Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên	24
Sơ đồ 1.5: Hạch toán tổng hợp CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên..	25
Sơ đồ 1.6: Hạch toán tổng hợp NVL và CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ..	27
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	28
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	30
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	32
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ ...	34
1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	36
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn	40
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.....	44
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn	46
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL và CCDC tại Công ty	67
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp NVL và CCDC của Công ty.....	77

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện hiện nay, để nâng cao được khả năng cạnh tranh các doanh nghiệp sản xuất tiến hành giám sát từ khâu thu mua nguyên vật liệu đến khâu tiêu thụ sản phẩm và thu được tiền về nhằm đảm bảo việc bảo toàn và tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn kinh doanh từ đó doanh nghiệp có nguồn lợi nhuận chia cho nhà đầu tư cũng như tái đầu tư trở lại cho doanh nghiệp.

Có thể thấy việc quản lý tốt nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đầu vào là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm sản xuất ra có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp khác hay không.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp em mạnh dạn chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu của khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm ba chương như sau:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các anh chị trong Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn và sự hướng dẫn tận tình của cô Hòa Thị Thanh Hương cũng như các thầy cô giáo. Mặc dù bản thân đã rất cố gắng tìm hiểu và nghiên cứu, song do thời gian có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót về nội dung và hình thức. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn cũng như giúp em nâng cao được kiến thức cho quá trình công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC.

1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu (NVL) và công cụ dụng cụ (CCDC) trong doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của NVL và CCDC.

1.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của NVL.

Khái niệm: NVL của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Có thể thấy NVL là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm nó tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh do đó nó ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành cũng như chất lượng sản phẩm sản xuất ra.

Đặc điểm của NVL:

- NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất và sẽ biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành nên sản phẩm mới.
- Khi tham gia vào sản xuất, giá trị của vật liệu được chuyển dịch toàn bộ vào giá trị sản xuất mới.

1.1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của CCDC.

Khái niệm: CCDC là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định.

Đặc điểm của CCDC:

- CCDC tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất nhưng vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng.
- Khi tham gia vào sản xuất, giá trị của CCDC bị hao mòn dần và được chuyển dịch một lần hoặc từng phần vào giá trị sản xuất mới.

1.1.2. Vị trí, vai trò của NVL và CCDC trong doanh nghiệp.

NVL, CCDC chiếm vị trí hết sức quan trọng bởi nó là đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Đối với doanh nghiệp sản xuất thì chi phí NVL, CCDC thường chiếm tỷ trọng khoảng 70% - 80% giá thành sản phẩm do đó nó có ảnh

hưởng trực tiếp tới sự biến động của giá thành. Chất lượng của sản phẩm cũng phụ thuộc vào chất lượng của NVL, CCDC đầu vào có tốt hay không. Mà chất lượng và giá thành sản phẩm là yếu tố then chốt để giúp cho doanh nghiệp có thể cạnh tranh trên thị trường ngày nay. Do vậy tăng cường công tác quản lý, công tác kế toán NVL, CCDC nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả tiết kiệm, hạ thấp được chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong các doanh nghiệp.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán NVL và CCDC trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý của kế toán NVL và CCDC

Bất cứ một nền kinh tế nào cũng chịu sự tác động của hai quy luật: Quy luật khan hiếm tài nguyên và quy luật nhu cầu không ngừng tăng lên, từ hai quy luật đó dẫn đến sự tồn tại của quy luật sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nguyên vật liệu. Trong nền kinh tế sản xuất hàng hoá việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu là một yêu cầu tối ưu hoá quá trình sử dụng NVL, CCDC nhằm đạt được những hiệu quả kinh tế cao nhất. Thực chất của nó là sử dụng đúng công dụng, mục đích, đảm bảo đúng định mức tiêu hao vật liệu cho từng chi tiết, sản phẩm tránh mất mát, hao hụt, giảm tới mức thấp nhất phế liệu, phế phẩm đồng thời tổ chức công tác tận thu phế liệu. Để làm được điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý tốt từ khâu thu mua, bảo quản sử dụng và dự trữ NVL, CCDC.

- Trong khâu thu mua: Để quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường thì doanh nghiệp phải thường xuyên đảm bảo cho các loại NVL, CCDC được thu mua đủ khối lượng, đúng quy cách, chủng loại. Kế hoạch thu mua đúng tiến độ phù hợp với kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu mua để từ đó chọn nguồn mua đảm bảo về số lượng, chất lượng, giá cả và chi phí thu mua thấp nhất.

- Trong khâu bảo quản: Phải đảm bảo tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo kiểm tra, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại NVL và CCDC, tránh hư hỏng mất mát, hao hụt đảm bảo an toàn là một trong những yêu cầu quản lý NVL, CCDC.

- Trong khâu dự trữ: Thúc đẩy nhanh quá trình chuyên hóa của nguyên vật liệu, hạn chế nguyên vật liệu bị ứ đọng, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh là một đòi hỏi đối với khâu dự trữ. Do đó, doanh nghiệp phải xây dựng định mức tối đa và định mức dự trữ tối thiểu cho từng loại NVL, CCDC để đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị đình trệ, gián đoạn do việc cung cấp, thu mua không kịp thời hoặc gây ra tình trạng ứ đọng vốn do việc dự trữ quá nhiều.

- Trong khâu sử dụng: Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức tiêu hao và dự toán chi phí nhằm hạ thấp chi phí, tiêu hao NVL, CCDC trong giá thành sản phẩm tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy, ở khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật tư trong quá trình sản xuất.

1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán NVL và CCDC

- Ghi chép, theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho NVL, CCDC cả về số lượng, chất lượng, giá trị. Tính giá trị của NVL, CCDC xuất kho theo phương pháp thích hợp, phương pháp tính giá phải sử dụng nhất quán ít nhất là trong một niên độ kế toán.

- Tính toán và phân bổ giá trị của NVL, CCDC sử dụng vào chi phí sản xuất theo đúng chế độ quy định.

- Vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán NVL, CCDC và hướng dẫn kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục nhập, xuất kho. Kiểm tra hướng dẫn việc hạch toán nghiệp vụ của Thủ kho, thường xuyên đối chiếu số liệu trên sổ kế toán với thẻ kho của Thủ kho để xác định số tồn kho thực tế của từng thứ NVL, CCDC.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình dự trữ và tiêu hao NVL, CCDC; phát hiện và xử lý kịp thời NVL, CCDC thừa, thiếu, ứ đọng kém phẩm chất, ngăn ngừa việc sử dụng lãng phí.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá lại NVL, CCDC theo chế độ của nhà nước. Lập các báo cáo kế toán về NVL, CCDC phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý, điều hành và phân tích kinh tế.

1.1.4. Phân loại NVL và CCDC

1.1.4.1. Phân loại NVL

a) Căn cứ vào công dụng kinh tế và vai trò

Dựa vào công dụng kinh tế và vai trò của từng loại NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh, có thể chia NVL thành:

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.

- Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- Vật tư thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ NVL trong doanh nghiệp.

b) Căn cứ vào mục đích sử dụng

Dựa vào mục đích sử dụng thì NVL được chia thành:

- NVL dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:

+ NVL dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.

+ NVL dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- NVL dùng cho nhu cầu khác:

- + Nhượng bán.
- + Đem góp vốn liên doanh.
- + Đem biếu tặng.

c) Căn cứ vào nguồn hình thành

Căn cứ vào nguồn hình thành, NVL được chia thành:

- NVL mua ngoài: là NVL mà doanh nghiệp mua bên ngoài từ các nhà cung cấp.
- NVL tự chế biến: là vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.
- NVL thuê ngoài gia công: là loại vật liệu thuê các cơ sở gia công làm nên.
- NVL nhận góp vốn liên doanh: là NVL do các bên liên doanh góp vốn theo thỏa thuận trên hợp đồng liên doanh.
- NVL được cấp: là NVL do đơn vị cấp trên cấp theo quy định...

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

1.1.4.2. Phân loại CCDC

a) Căn cứ cách phân bổ chi phí

Dựa theo cách phân bổ chi phí, CCDC được chia thành 2 loại:

- Loại phân bổ 1 lần: CCDC có giá trị nhỏ và thời gian sử dụng ngắn.
- Loại phân bổ nhiều lần: CCDC có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài hơn và là những CCDC chuyên dùng.

b) Căn cứ vào nội dung kinh tế

Căn cứ vào nội dung, CCDC được chia thành:

- Các đà giáo, ván khuôn, công cụ, dụng cụ gá lắp chuyên dùng cho sản xuất xây lắp;
- Các loại bao bì bán kèm theo hàng hóa có tính tiền riêng, nhưng trong quá trình bảo quản hàng hóa vận chuyển trên đường và dự trữ trong kho có tính giá trị hao mòn để trừ dần giá trị của bao bì;
 - Những dụng cụ, đồ nghề bằng thủy tinh, sành, sứ;
 - Phương tiện quản lý, đồ dùng văn phòng;
 - Quần áo, giày dép chuyên dùng để làm việc,...

c) Căn cứ vào mục đích sử dụng

Dựa vào mục đích sử dụng CCDC được chia thành:

- CCDC dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
- CCDC dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

d) Căn cứ vào nguồn hình thành

Căn cứ vào nguồn hình thành, CCDC được chia thành:

- CCDC mua ngoài: là CCDC doanh nghiệp mua bên ngoài từ các nhà cung cấp.
- CCDC tự chế biến: là vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.
- CCDC thuê ngoài gia công: là loại vật liệu thuê các cơ sở gia công làm nên.
- CCDC nhận góp vốn liên doanh: là CCDC do các bên liên doanh góp vốn theo thỏa thuận trên hợp đồng liên doanh.
- CCDC được cấp: là CCDC do đơn vị cấp trên cấp theo quy định...

1.1.5. Tính giá NVL và CCDC trong doanh nghiệp theo thông tư 200/214/TT-BTC.

Tính giá NVL, CCDC là việc xác định giá trị của chúng theo các phương pháp nhất định. Về nguyên tắc, các loại NVL, CCDC thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp và khi tính giá chúng thì cũng phải tuân thủ nguyên tắc tính giá hàng tồn kho. Tính giá NVL, CCDC sẽ thể hiện được số tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được số vật tư đó. Việc lựa chọn phương pháp tính giá phù hợp với đặc điểm của từng doanh nghiệp là một yếu tố then chốt quyết định xem việc quản lý và theo dõi tình hình NVL, CCDC của doanh nghiệp.

1.1.5.1. Tính giá NVL và CCDC nhập kho.

Trong doanh nghiệp, NVL và CCDC được nhập từ nhiều nguồn khác nhau mà giá trị của chúng trong từng trường hợp được xác định như sau:

Nhập do mua ngoài:

Giá thực		Giá mua		Các khoản thuế		Chi		Các khoản
tế nhập	=	ghi trên	+	không được	+	phí	-	giảm trừ (nếu
kho		hóa đơn		hoàn lại		mua		có)

Trong đó:

- Giá mua là giá không có thuế GTGT nếu NVL, CCDC mua về dùng để sản xuất các mặt hàng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ; Giá mua là giá có thuế GTGT nếu NVL, CCDC mua về sử dụng vào sản xuất các mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Các khoản thuế không được hoàn lại bao gồm: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường,...

- Chi phí mua bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,.. NVL và CCDC từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua NVL, CCDC và số hao hụt tự nhiên trong định mức.

❖ Nhập do tự sản xuất:

Giá thực tế nhập kho = Giá thực tế xuất chế biến + Chi phí chế biến

❖ Nhập do thuê ngoài gia công:

Giá thực tế nhập kho = Giá thực tế xuất thuê gia công + Chi phí vận chuyển, bốc dỡ + Chi phí thuê gia công

❖ Nhập do nhận vốn góp liên doanh:

Giá thực tế nhập kho = Giá trị vốn góp do các bên thỏa thuận + Chi phí liên quan đến tiếp nhận

❖ Nhập do thu hồi phế liệu:

Giá thực tế NVL, CCDC nhập kho là giá ước tính trên thị trường.

1.1.5.2. Tính giá NVL và CCDC xuất kho

NVL và CCDC được thu mua và nhập kho thường xuyên từ nhiều nguồn khác nhau, do đó giá thực tế của từng lần, đợt nhập không hoàn toàn giống nhau. Khi xuất kho, kế toán phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho từng nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau.

Hiện nay đang có 3 phương pháp tính giá trị NVL, CCDC xuất kho như sau:

❖ Phương pháp giá đích danh.

Theo phương pháp này khi xuất kho vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho.

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Ưu điểm: Công tác tính giá NVL, CCDC được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá NVL, CCDC xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL, CCDC.

Nhược điểm: Áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi NVL, CCDC có thể phân biệt, chia tách ra thành từng loại, từng thứ riêng lẻ.

Đây là phương pháp có thể coi là lý tưởng nhất, nó tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp của hạch toán kế toán. Chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho được tính căn cứ vào số lượng NVL, CCDC xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá thực tế xuất kho} = \frac{\text{Số lượng thực tế xuất kho}}{\text{kho}} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân có thể tính được như sau:

- Áp dụng đơn giá bình quân cả kỳ (bình quân gia quyền cả kỳ)

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối kỳ gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Áp dụng đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: Độ chính xác cao, đáp ứng kịp thời thông tin kế toán cần thiết cho các phần hành kế toán khác.

Nhược điểm: Tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn thời gian.

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này số NVL, CCDC nào nhập trước thì ưu tiên xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Do vậy giá thực tế của NVL, CCDC tồn cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều, phương pháp này cho phép kế toán có thể tính giá NVL, CCDC xuất kho kịp thời.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại, vì doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị của vật tư, hàng hoá đã được mua từ cách đó rất lâu.

❖ Ngoài ra theo thông tư 200/2014/TT-BTC có bổ sung thêm một phương pháp xác định hàng tồn kho đó là phương pháp giá bán lẻ.

Theo cách tính thông thường, trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được xác định thông qua việc kiểm kê và áp dụng đơn giá theo 1 trong các phương pháp: bình quân, nhập trước xuất trước cho số lượng kiểm kê thực tế. Tuy nhiên do lượng hàng hóa trong các doanh nghiệp bán lẻ là rất nhiều nên việc kiểm kê thường rất tốn kém nhiều thời gian và công sức. Do vậy các công ty bán lẻ có thể sử dụng phương pháp giá bán lẻ để ước tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo phương pháp giá bán lẻ thì giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

1.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán chi tiết.

a) Chứng từ sử dụng

Kế toán NVL, CCDC liên quan đến nhiều loại chứng từ kế toán khác nhau. Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về NVL, CCDC bao gồm:

Phiếu nhập kho (01-VT)

Phiếu xuất kho (02-VT)

Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (03-VT)

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (04-VT)

Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (05-VT)

Bảng kê mua hàng (06-VT)

Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (07-VT)

Các chứng từ bắt buộc phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

b) Tài khoản sử dụng

❖ TK 151: Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư (nguyên liệu, vật liệu; công cụ, dụng cụ; hàng hóa) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi, kho ngoại quan hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu: TK 151 có số dư Nợ cuối kỳ.

Bên Nợ:

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường;
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng;

- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho doanh nghiệp).

❖ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại NVL trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu: TK 152 có số dư Nợ cuối kỳ.

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác;
- Trị giá NVL thừa phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá thực tế của NVL xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn;
- Trị giá NVL trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua;
- Chiết khấu thương mại NVL khi mua được hưởng;
- Trị giá NVL hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ.

❖ TK 153: Công cụ, dụng cụ

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại CCDC của doanh nghiệp.

Kết cấu: TK 153 có số dư Nợ cuối kỳ.

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của CCDC nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn;
- Trị giá CCDC cho thuê nhập lại kho;
- Trị giá thực tế của CCDC thừa phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của CCDC tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá thực tế của CCDC xuất kho sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê hoặc góp vốn;
- Chiết khấu thương mại khi mua CCDC được hưởng;
- Trị giá CCDC trả lại cho người bán hoặc được người bán giảm giá;
- Trị giá CCDC thiếu phát hiện trong kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của CCDC tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của CCDC tồn kho.

- ❖ Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, TK 112, TK 331, TK 133, TK 141, TK 621, TK627, TK 641, TK642.

c) Sổ kế toán chi tiết sử dụng

Tùy thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết NVL, CCDC áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán chi tiết sau:

Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (S10-DN).

Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (S11-DN).

Thẻ kho (Sổ kho) (S12-DN).

Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng (S22-DN).

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên, còn có thể sử dụng các bảng kê nhập, xuất; các bảng lũy kế tổng hợp nhập - xuất - tồn NVL, CCDC phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản, nhanh chóng, kịp thời.

1.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết NVL và CCDC trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuỳ thuộc vào điều kiện của từng doanh nghiệp mà có thể lựa chọn vận dụng một trong các phương pháp sau:

1.2.2.1. Phương pháp thẻ song song.

❖ Nội dung của phương pháp ghi thẻ song song:

Tại kho: Phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm vật liệu, CCDC về mặt lượng - Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ nhập xuất vật tư (phiếu nhập- phiếu xuất) Thủ kho thực hiện việc nhập - xuất kho và ghi số lượng vật tư thực nhập, thực xuất vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và thẻ kho

- Mỗi chứng từ được ghi vào một dòng trên thẻ kho. Thẻ kho được mở theo từng danh điểm vật tư.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, Thủ kho phải tập hợp chứng từ nhập xuất vật tư và giao cho kế toán.

- Cuối tháng, Thủ kho phải tiến hành cộng tổng số lượng vật tư nhập xuất trong tháng, từ đó tính ra lượng vật tư tồn cuối tháng theo từng danh điểm vật tư.

Tại Phòng Kế toán: Phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm NVL, CCDC về cả mặt lượng và giá trị.

- Kế toán vật tư mở thẻ (sổ) kế toán chi tiết vật tư theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập xuất vật tư do Thủ kho chuyển tới, kế toán vật tư phải kiểm tra, ghi đơn giá và tính ra thành tiền cho từng chứng từ nhập xuất vật tư. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vật tư vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết theo từng danh điểm vật tư.

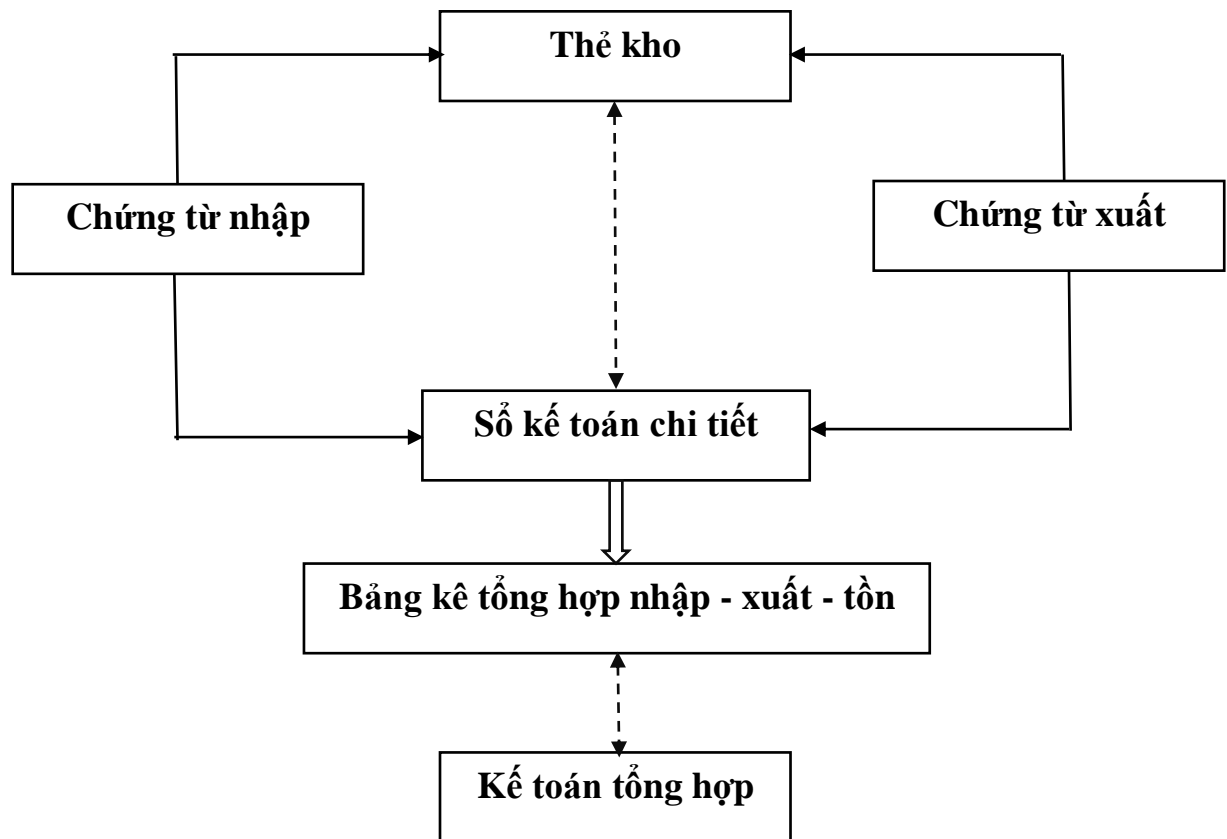
- Cuối tháng, kế toán vật tư phải tiến hành cộng thẻ (sổ) kế toán chi tiết, để đối chiếu với thẻ kho của Thủ kho về mặt số lượng, đồng thời lập bảng tổng hợp chi tiết nhập - xuất - tồn kho vật tư để đối chiếu với kế toán tổng hợp NVL, CCDC về mặt giá trị.

❖ Ưu nhược điểm của phương pháp ghi thẻ song song.

Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ kiểm tra, đối chiếu với số liệu và phát hiện sai sót. Đồng thời đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin kế toán.

Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp giữa kho và Phòng Kế toán về chỉ tiêu, số lượng. Mặt khác, việc kiểm tra đối chiếu thường tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

❖ **Phạm vi áp dụng:** thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại NVL và CCDC; khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp thẻ song song

1.2.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

❖ Nội dung của phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

Tại kho: Việc ghi chép ở kho của Thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

Tại Phòng Kế toán:

- Kế toán vật tư mở sổ đối chiếu luân chuyển để phản ánh tình hình nhập - xuất - tồn kho vật tư cả về mặt số lượng và giá trị (sổ dùng cả năm, thường sử dụng đơn giá hạch toán). Sổ này được ghi mỗi tháng 1 lần vào ngày cuối tháng trên cơ sở các bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư (các bảng kê này được kế toán mở theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho).

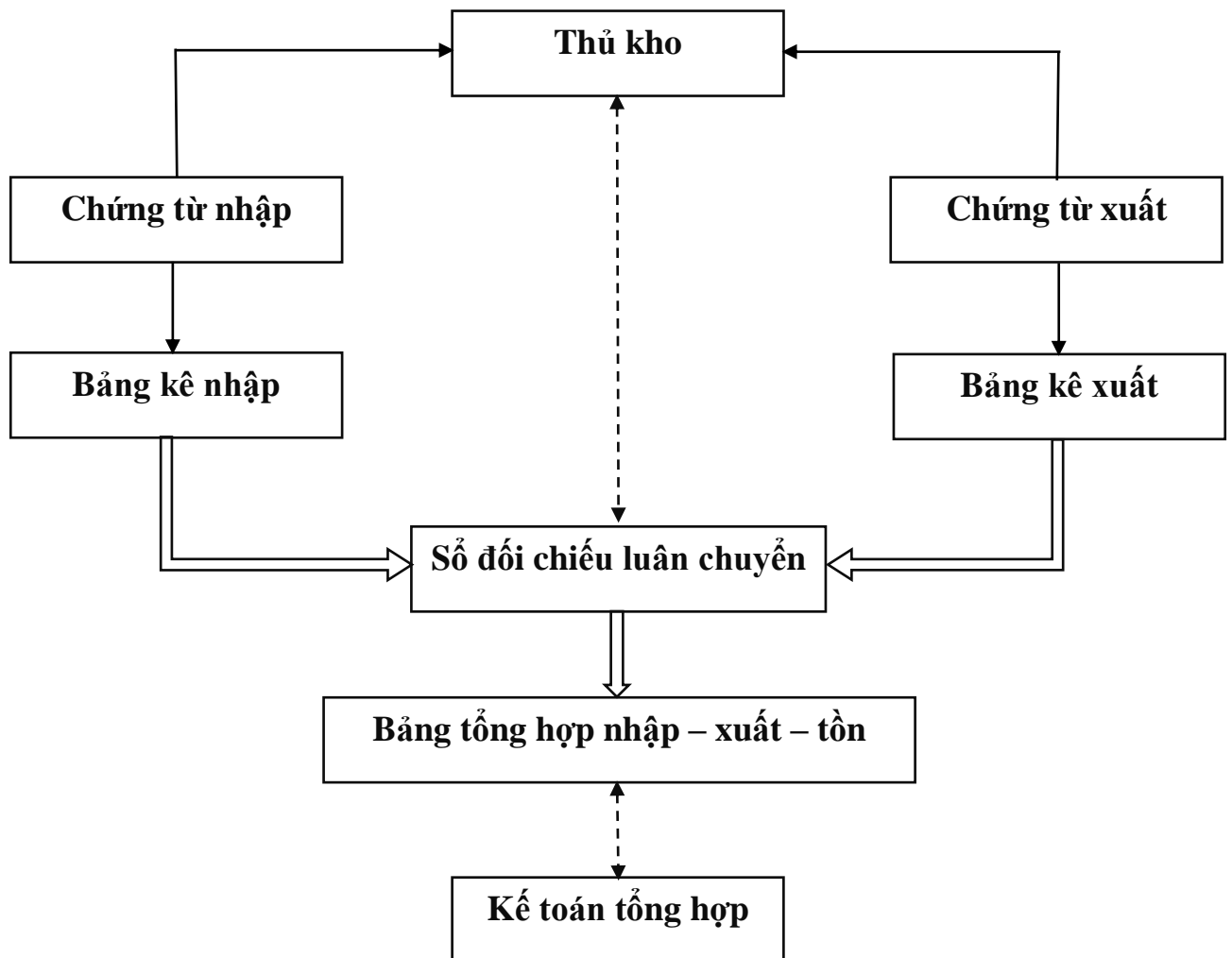
- Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào 1 dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng, tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho về mặt số lượng.

❖ Ưu nhược điểm của phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Phương pháp này vẫn còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và Phòng Kế toán về chỉ tiêu số lượng; việc kiểm tra, đối chiếu giữa kho và Phòng Kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

❖ Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất không nhiều nghiệp vụ nhập – xuất, không bố trí riêng nhân viên kế toán vật tư, do vậy không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp số đối chiếu luân chuyển

1.2.2.3. Phương pháp sổ số dư.

❖ Nội dung của phương pháp sổ số dư

Tại kho: ngoài các công việc như phương pháp thẻ song song, Thủ kho còn phải làm các công việc sau:

- Định sau khi ghi thẻ kho, Thủ kho phải lập phiếu giao nhận, chứng từ theo từng danh điểm vật tư hoặc từng nhóm vật tư và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất vật tư.

- Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho, Thủ kho ghi số lượng vật tư tồn kho theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư. Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào một dòng trên sổ số dư.

- Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm (sổ này chỉ theo dõi về mặt lượng và tiền tồn mà không theo dõi lượng và tiền nhập xuất của vật tư), trước ngày cuối tháng kế toán giao cho Thủ kho để ghi sổ. Ghi xong phải gửi về Phòng Kế toán để kiểm tra và tính ra thành tiền.

Tại Phòng Kế toán:

- Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của Thủ kho và ký xác nhận số lượng tồn tại từng thời điểm trên thẻ kho.

- Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập xuất vật tư do Thủ kho chuyển đến (đã được phân loại theo từng danh điểm vật tư), kế toán tiến hành ghi đơn giá (thường là đơn giá hạch toán) tính ra thành tiền trên từng chứng từ và ghi vào phiếu giao nhận chứng từ tương ứng.

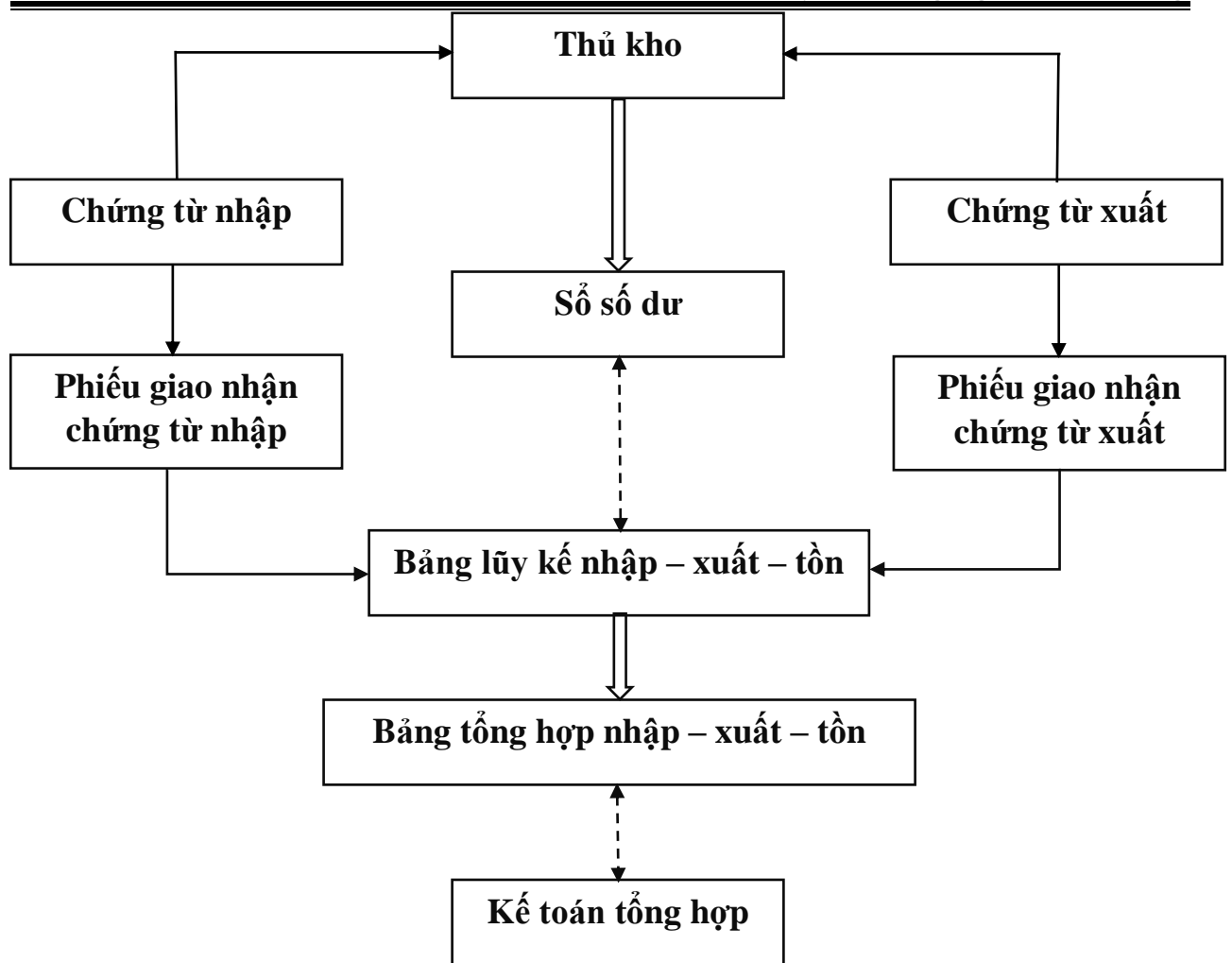
- Cuối tháng cộng tổng số tiền trên các phiếu giao nhận chứng từ để ghi vào 1 dòng trên bảng lũy kế nhập xuất tồn vật tư. Sau đó cộng tổng số tiền nhập xuất trên bảng lũy kế để tính ra số dư cuối tháng của từng danh điểm vật tư. Số dư này dùng để đối chiếu với số dư trên sổ số dư.

❖ Ưu nhược điểm của phương pháp sổ số dư:

Ưu điểm: Tránh được việc ghi chép trùng lặp về chỉ tiêu số lượng và dẫn đến công việc ghi sổ trong kỳ, nên không bị dồn vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và Phòng Kế toán phức tạp hơn. Ngoài ra, kế toán muốn biết được lượng tồn của từng danh điểm vật tư ở từng thời điểm khác nhau bắt buộc phải xuống kho xem thẻ kho mới xác định được.

❖ Phạm vi áp dụng: Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa; việc nhập – xuất diễn ra thường xuyên. Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư hàng hóa hợp lý. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ⇨

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←- - - ->

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ số dư

Như vậy, mọi phương pháp đều có ưu, nhược điểm riêng. Do vậy cần có sự nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.

1.2.3. Tổ chức kế toán tổng hợp NVL và CCDC trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Trong một doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng tại doanh nghiệp phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại vật tư, hàng hóa

và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

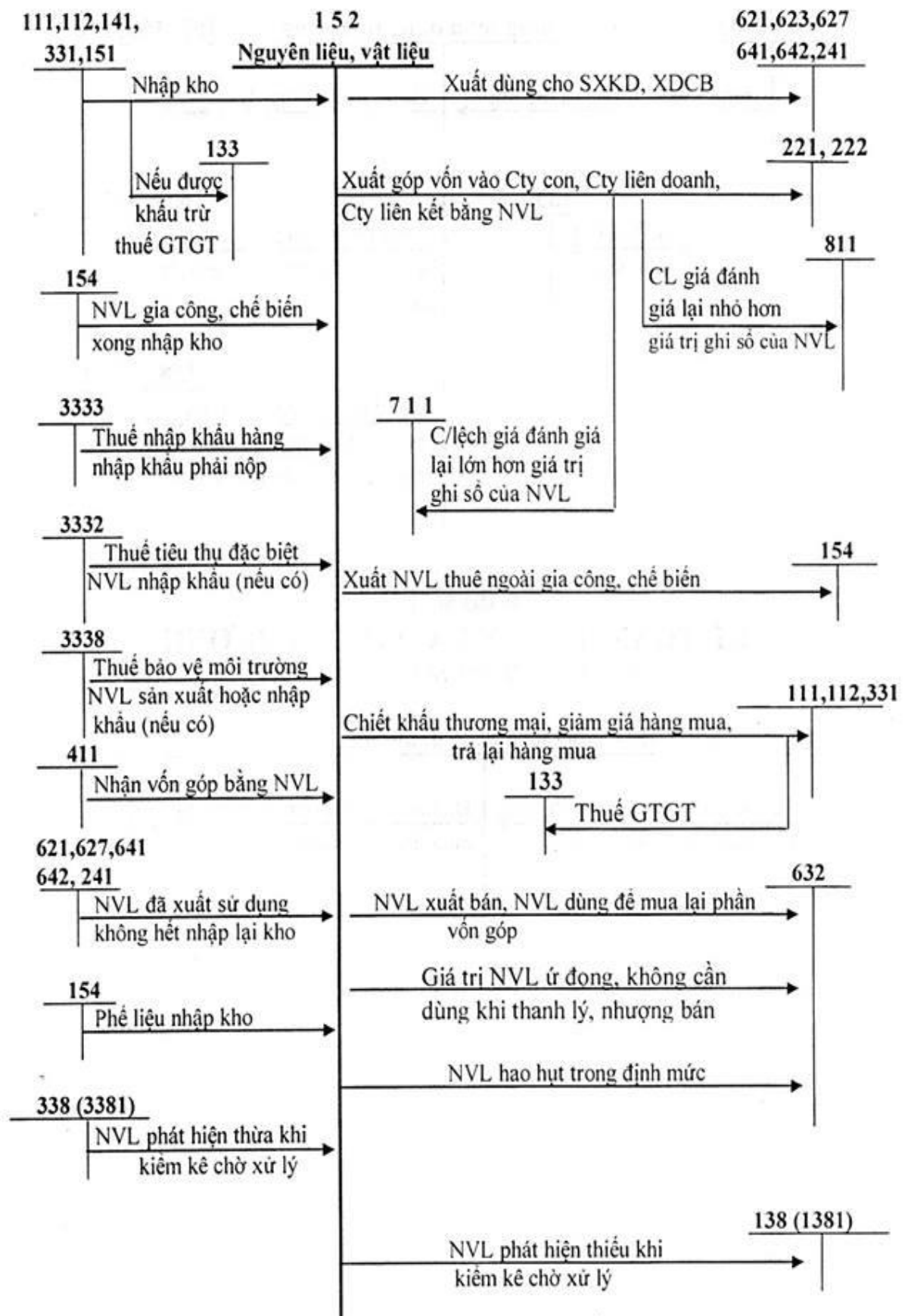
1.2.3.1. Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn NVL, CCDC, hàng hóa trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hóa. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

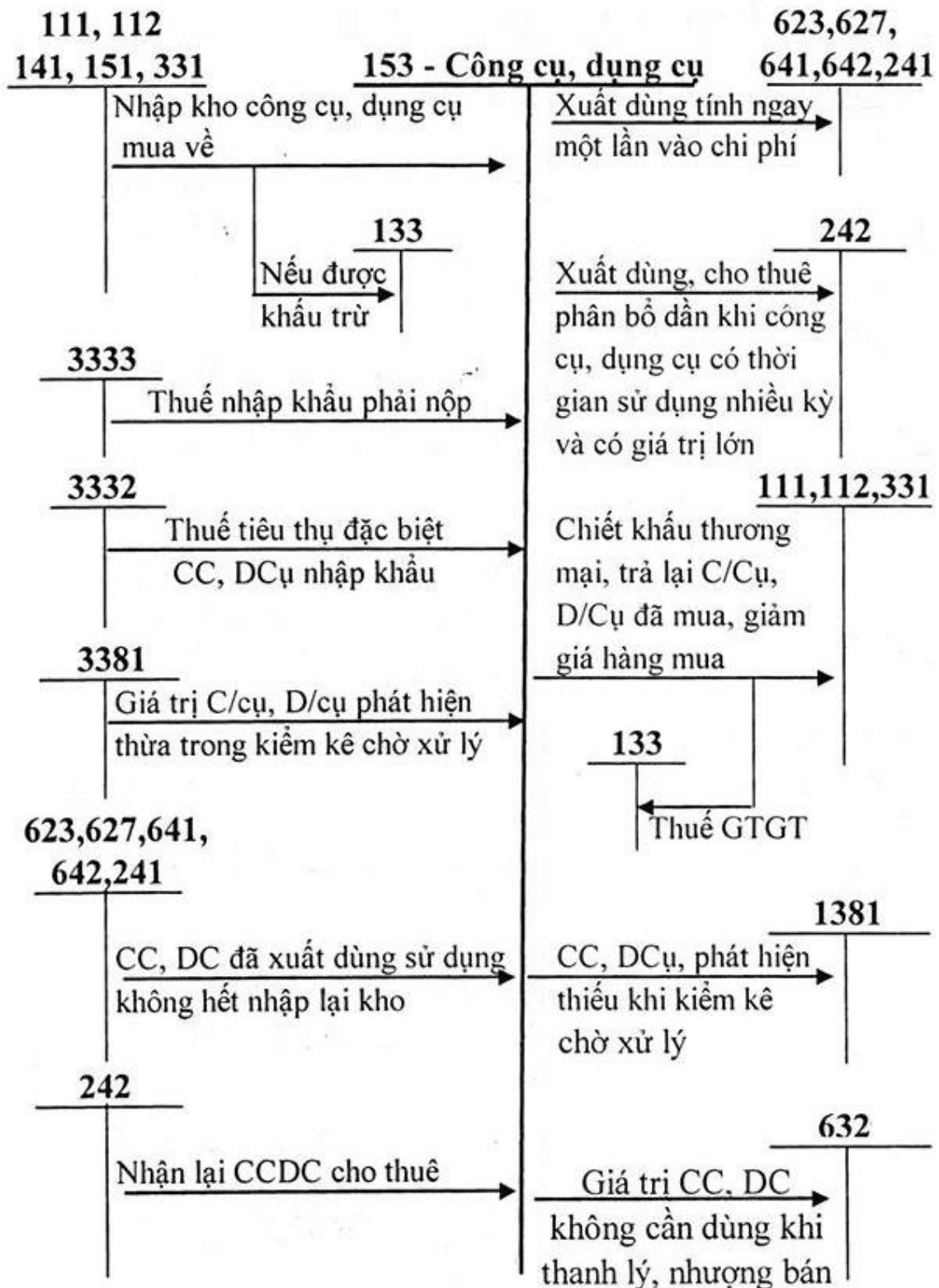
Ưu điểm: Theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình nhập - xuất - tồn theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của NVL, CCDC được chính xác.

Nhược điểm: Đối với NVL, CCDC công kênh, điều kiện cân, đo, đong, đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán vốn nhiều công sức, phức tạp, phải điều chỉnh giữa số liệu kiểm kê và số liệu tính toán.

Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các doanh nghiệp thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao...



Sơ đồ 1.4: Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Hạch toán tổng hợp CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.3.2. Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ}}{\text{Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ}} + \frac{\text{Tổng trị giá hàng nhập kho trong kỳ}}{\text{Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ}}$$

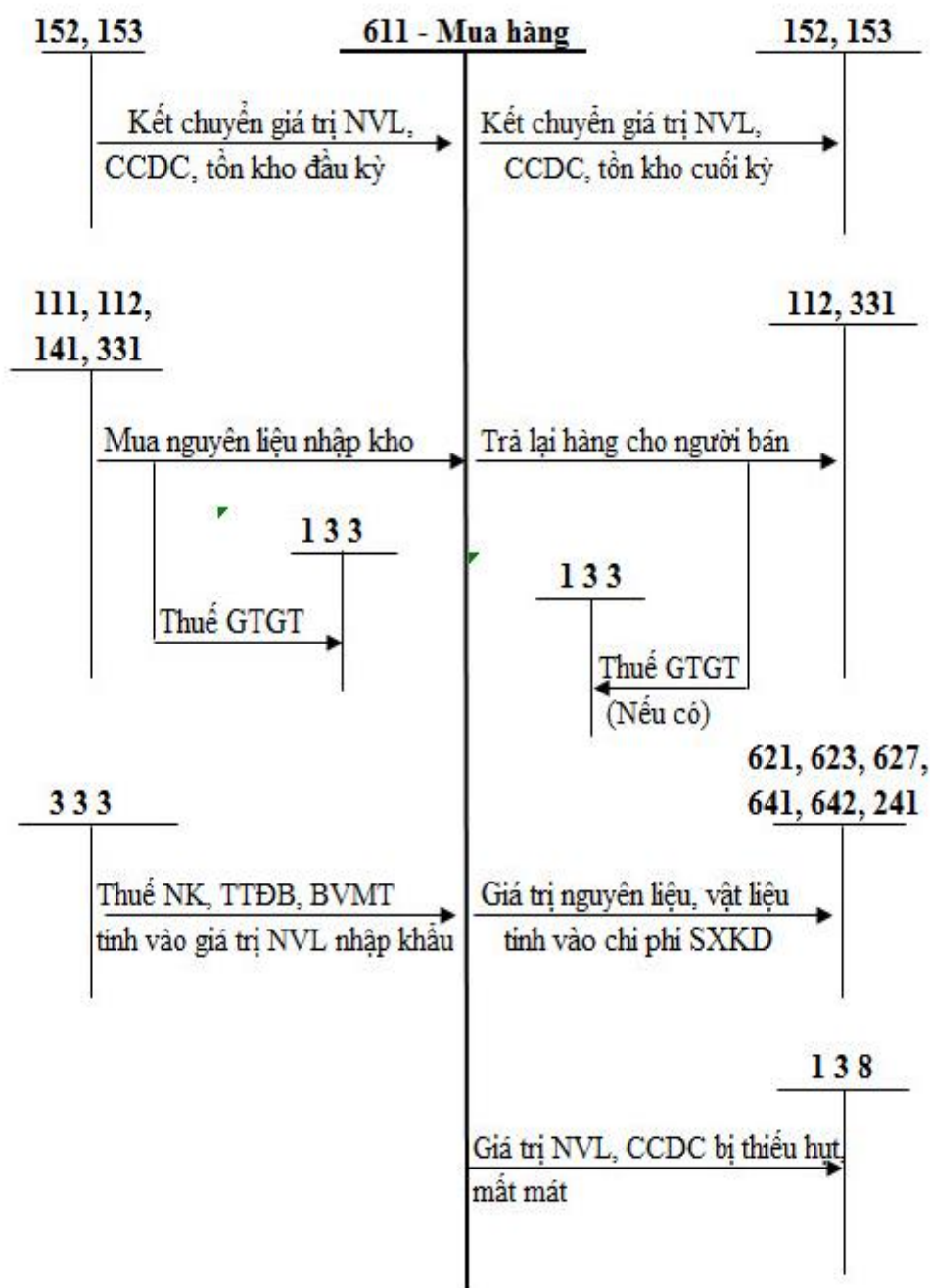
Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi, phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (tài khoản 611 “Mua hàng”).

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế, trị giá vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611 “Mua hàng”. Như vậy, khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

Ưu điểm: Việc ghi chép đơn giản, gọn nhẹ do không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê mà số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.

Nhược điểm: Trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng (hoặc xuất bán).

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng bán lẻ...).



Sơ 1.6: Hạch toán tổng hợp NVL và CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các doanh nghiệp sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

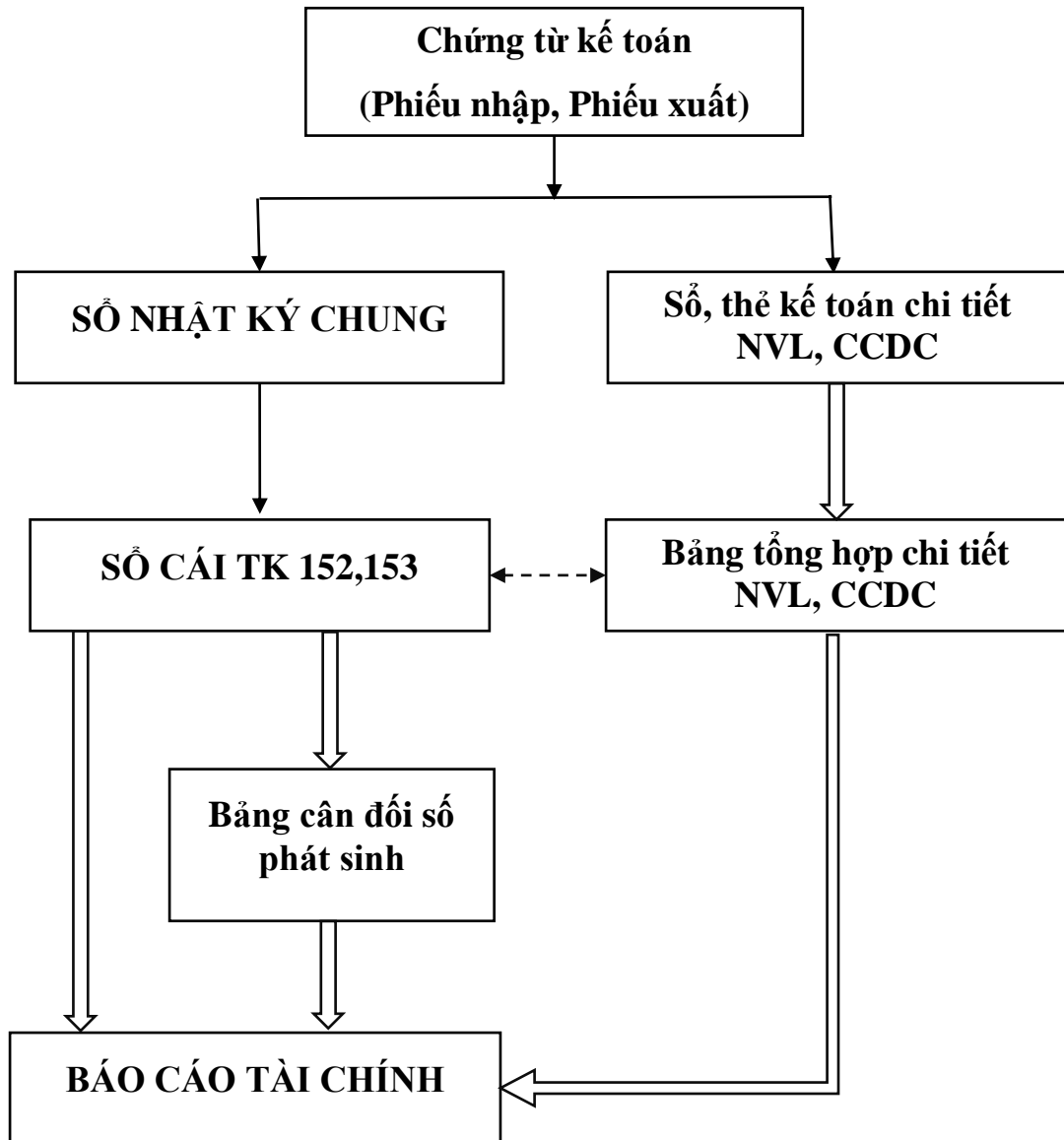
1.3.1. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định

khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ⇨

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <-.-.->

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ Theo đó trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung như sau:

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc hợp pháp, hợp lệ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi vào sổ Nhật ký chung.

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản liên quan theo từng nghiệp vụ.

- Những chứng từ liên quan đến các đối tượng cần hạch toán chi tiết thì đồng thời được ghi vào các sổ chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng cộng sổ kế toán chi tiết để lấy số liệu lập các báo cáo tổng hợp chi tiết.

- Cuối tháng cộng sổ cái tài khoản, số liệu trên sổ cái đối chiếu với các bảng tổng hợp chi tiết có liên quan. Sổ cái sau khi đối chiếu khớp đúng được dùng để lập bảng Cân đối số phát sinh các tài khoản.

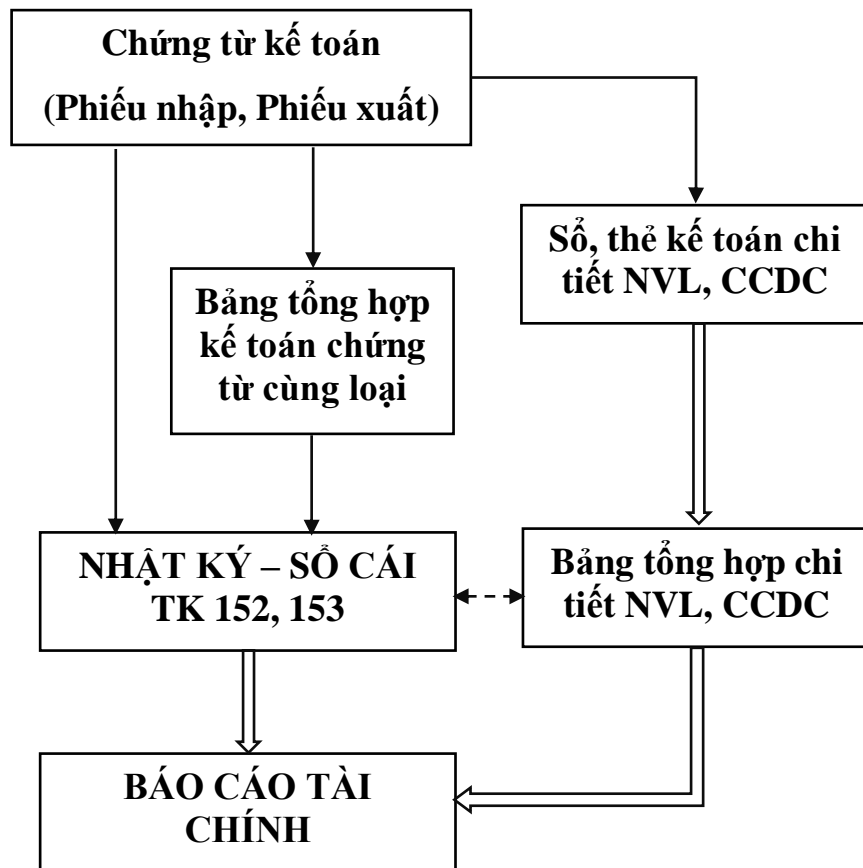
- Cuối tháng, cuối quý căn cứ vào đối chiếu số phát sinh các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết để lập bảng báo cáo kế toán (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ).

1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật Ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật Ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật Ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\leftarrow\text{---}\rightarrow$

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

❖ Theo đó trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái như sau:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để vào sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả hai phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) củ từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

- Các sổ, Thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái và “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập BCTC.

1.3.3. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

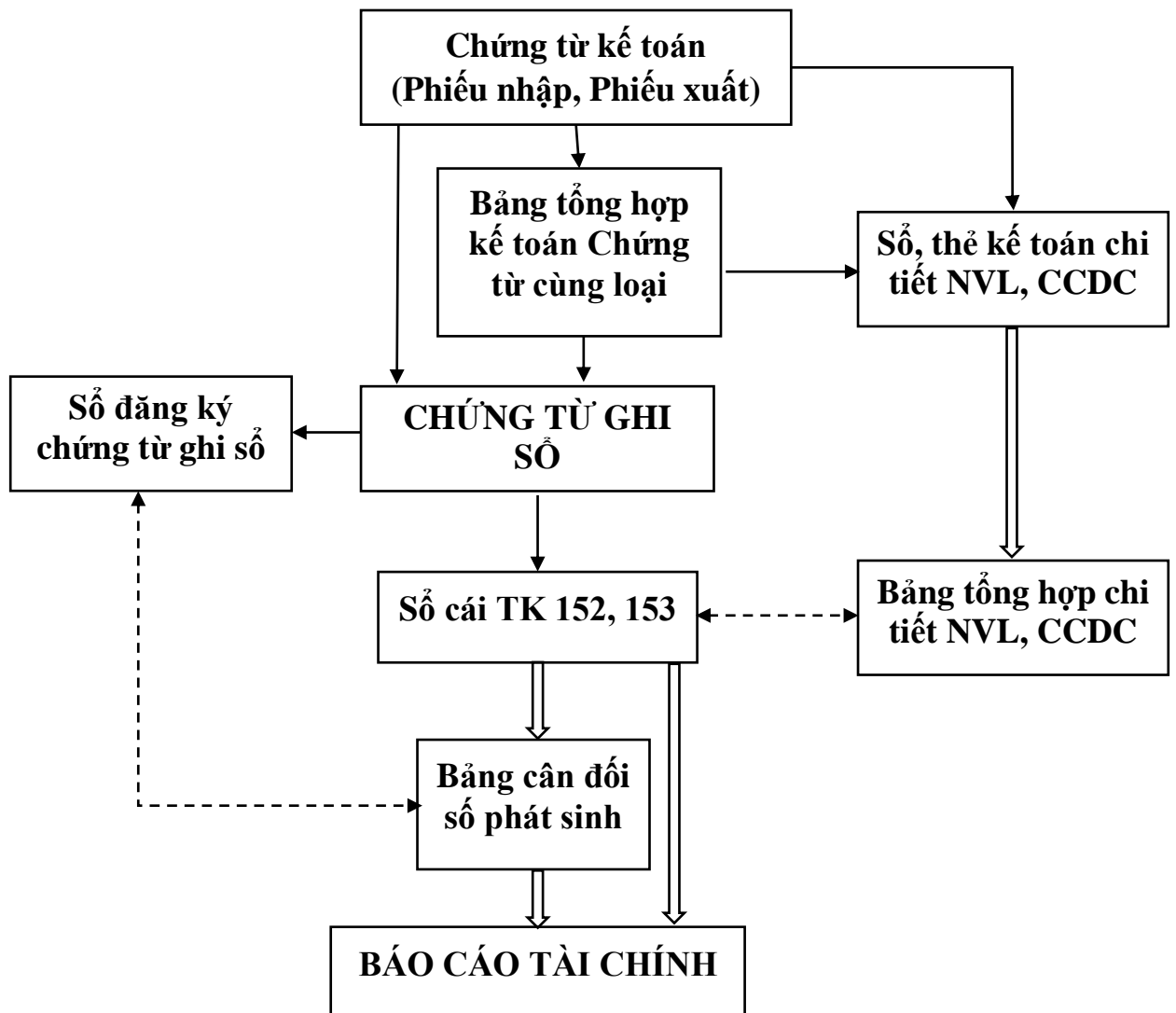
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được Kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow\text{---}\longrightarrow$

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ Theo đó trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ như sau:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ, Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Tính ra tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập BCTC. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Chứng từ:

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

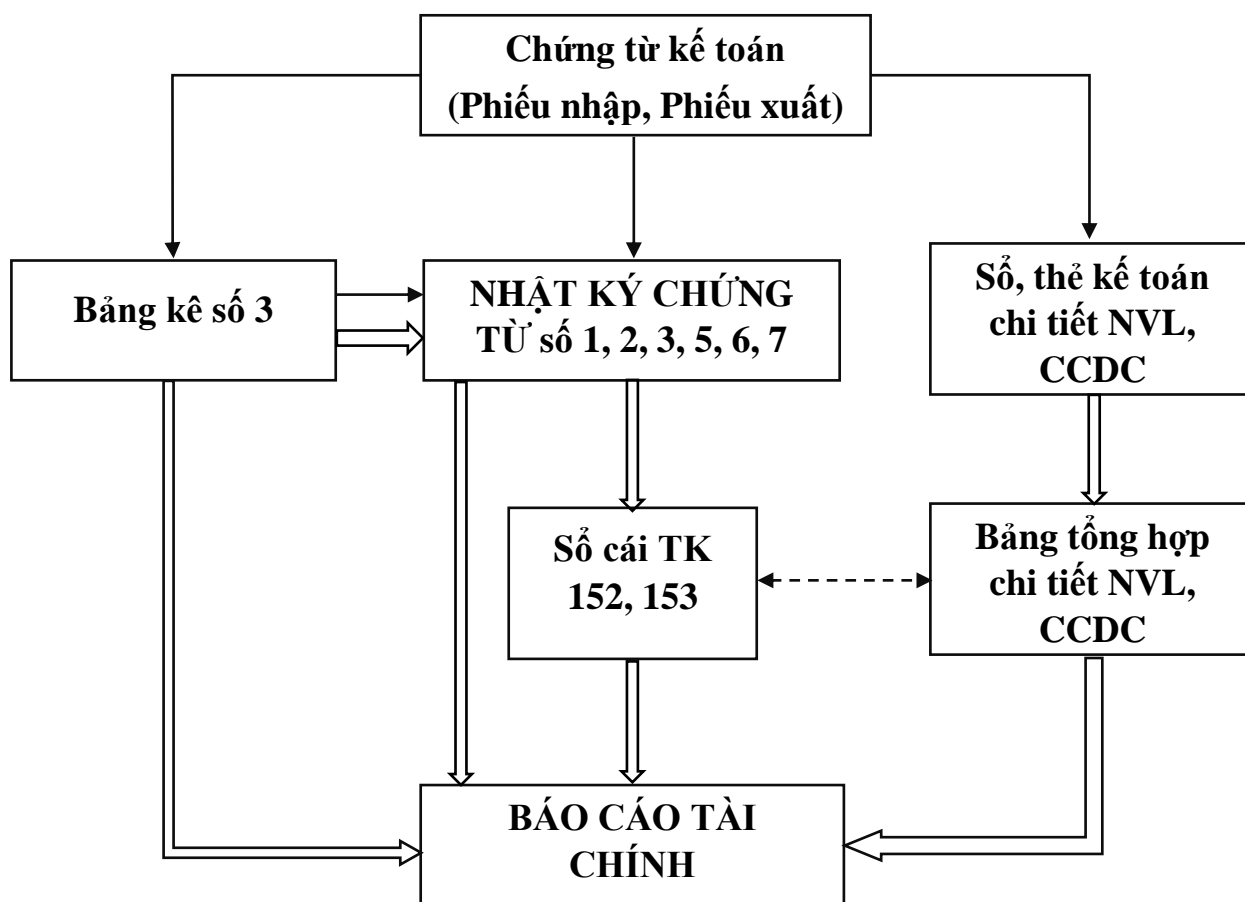
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

❖ Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

❖ Theo đó trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ như sau:

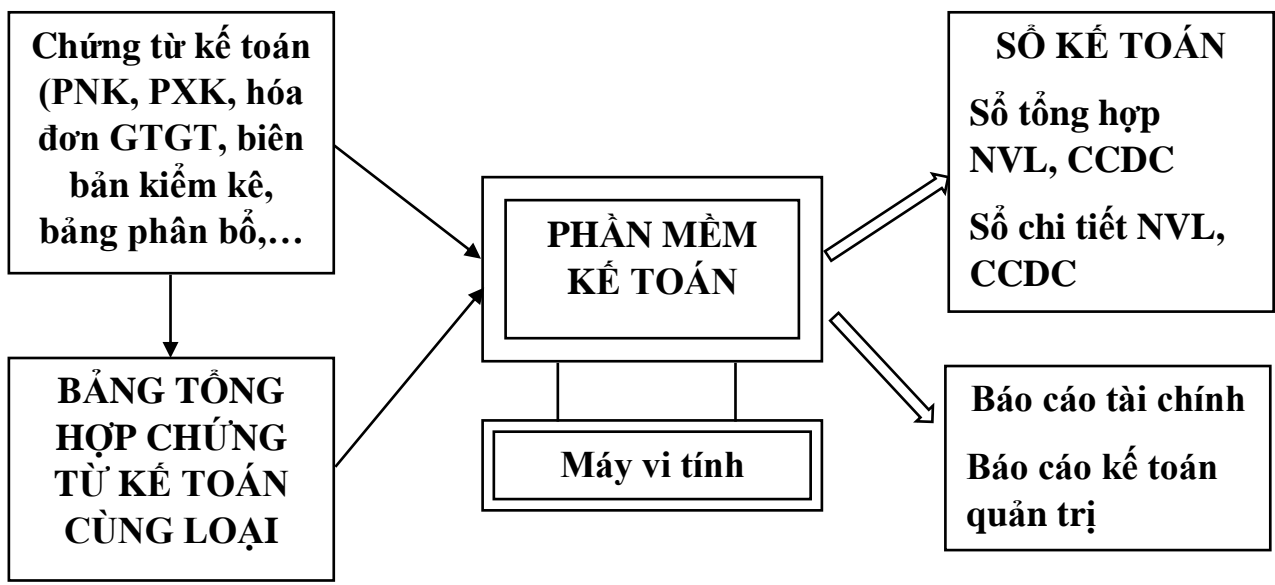
- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các

Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

- Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng hợp của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập BCTC.

1.3.5. Trình tự ghi sổ kế toán NVL và CCDC theo hình thức Kế toán máy.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ⇨

1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính như sau:

- Hàng ngày, Kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập vào dữ liệu máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế Ghi chú: Ghi hàng ngày Ghi cuối tháng Kiểm tra, đối chiếu các thông tin được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP NHỰA KIM SƠN.

2.1. Khái quát về Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

2.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

Tên công ty: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP NHỰA KIM SƠN

Tên giao dịch: KIM SON PLASTIC

Tên tiếng anh: KIM SON PLASTIC INDUSTRY ONE MEMBER LIMITED COMPANY

Giấy đăng kí kinh doanh: Số 0201735660 cấp ngày 27/07/2016

Lĩnh vực: Sản xuất sản phẩm từ plastic

Chủ sở hữu: Phạm Xuân Quang

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải phòng

Điện thoại/Fax: 0313545315/022533545315

Mail: kimsonhp6868@gmail.com

Tiền thân của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn là Công ty cổ phần Nhựa Kim Sơn được thành lập vào 11/8/2011 theo giấy phép kinh doanh số 0201191403 do Sở kế hoạch Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 05/08/2011.

Đến năm 2016 Công ty xin chuyển sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn. Đến ngày 27/07/2016 công ty được Sở kế hoạch Đầu tư Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0201735660 với tên mới là Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn với đại diện pháp luật đổi thành ông Phạm Xuân Quang.

Trong điều kiện kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập, công ty đã gặp không ít khó khăn nhưng bằng năng lực và sự nhạy bén của mình, công ty không ngừng phát triển và vươn lên đạt những kết quả hết sức to lớn, chứng tỏ được vị trí trên thị trường. Trải qua 9 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm từ plastic,

công ty đã ngày càng mở rộng quy mô công ty cũng như mở rộng được thị trường sang các thị trường Trung Quốc.

Ngành nghề chính của công ty là sản xuất sản phẩm từ plastic. Trong đó sản phẩm thế mạnh của công ty hiện nay là ống nhựa gân xoắn HDPE, ống hai vách, ống ruột gà, ngoài ra công ty còn sản xuất một số sản phẩm như băng cao su, băng keo bịt nước, đai nối,...

Ngoài ngành nghề chính công ty còn tiến hành kinh doanh một số ngành nghề sau:

- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc thiết bị phụ tùng máy móc văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn thiết bị dạy học, vật tư, máy móc ngành nhựa; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.

- Xây dựng nhà để ở.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn các loại ống nước, ống dẫn khí và vật liệu ghép nối.

- Sửa chữa máy móc thiết bị.

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

- Lắp đặt hệ thống điện.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

2.1.2.1. Chức năng của Công ty.

Chức năng hoạt động chính của Công Ty TNHH MTV công nghiệp nhựa Kim Sơn hiện nay chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sản phẩm ống nhựa thoát nước, ống nhựa luồn dây cáp điện. Ngoài ra công ty còn có hoạt động tư vấn cho các công trình thi công nên dùng các loại ống nào, vật liệu xây dựng để có được hiệu quả lớn nhất khi các vật liệu kết hợp với nhau.

2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty.

Có thể nói sức tiêu thụ của thị trường ngày càng tăng trưởng mạnh đối với mặt hàng sản xuất từ nhựa plastic, và là cơ hội cho doanh nghiệp sản xuất nhựa phát triển. Vấn đề chính đặt ra cho ngành nhựa nói chung và Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn nói riêng hiện nay là làm thế nào để tạo ra những bút phá rõ rệt. Để có được tên tuổi trên thị trường doanh nghiệp phải nỗ lực rất lớn, tạo dựng được sản phẩm của thương hiệu mang đặc điểm riêng cho mình. Doanh nghiệp phải thể hiện được yếu tố “tính cách” riêng ngay trong thương hiệu.

Xuất phát từ những chức năng trên, Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn có những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng tiến độ, đảm bảo đáp ứng kịp thời các đơn đặt hàng với chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn. Đưa tiếng vang của công ty ngày một đi xa hơn trên thị trường trong và ngoài nước. Tạo niềm tin cho khách hàng, không ngừng củng cố và phát huy uy tín của công ty.

- Về lâu dài, công ty tích cực tìm kiếm đối tác, xâm nhập sâu rộng vào những thị trường mới, duy trì và tạo mối quan hệ lâu dài, uy tín với khách hàng.

- Tổ chức sản xuất kinh doanh có lãi, tăng thu nhập và đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Khẳng định chỗ đứng trên thị trường truyền thống đồng thời mở rộng thị trường.

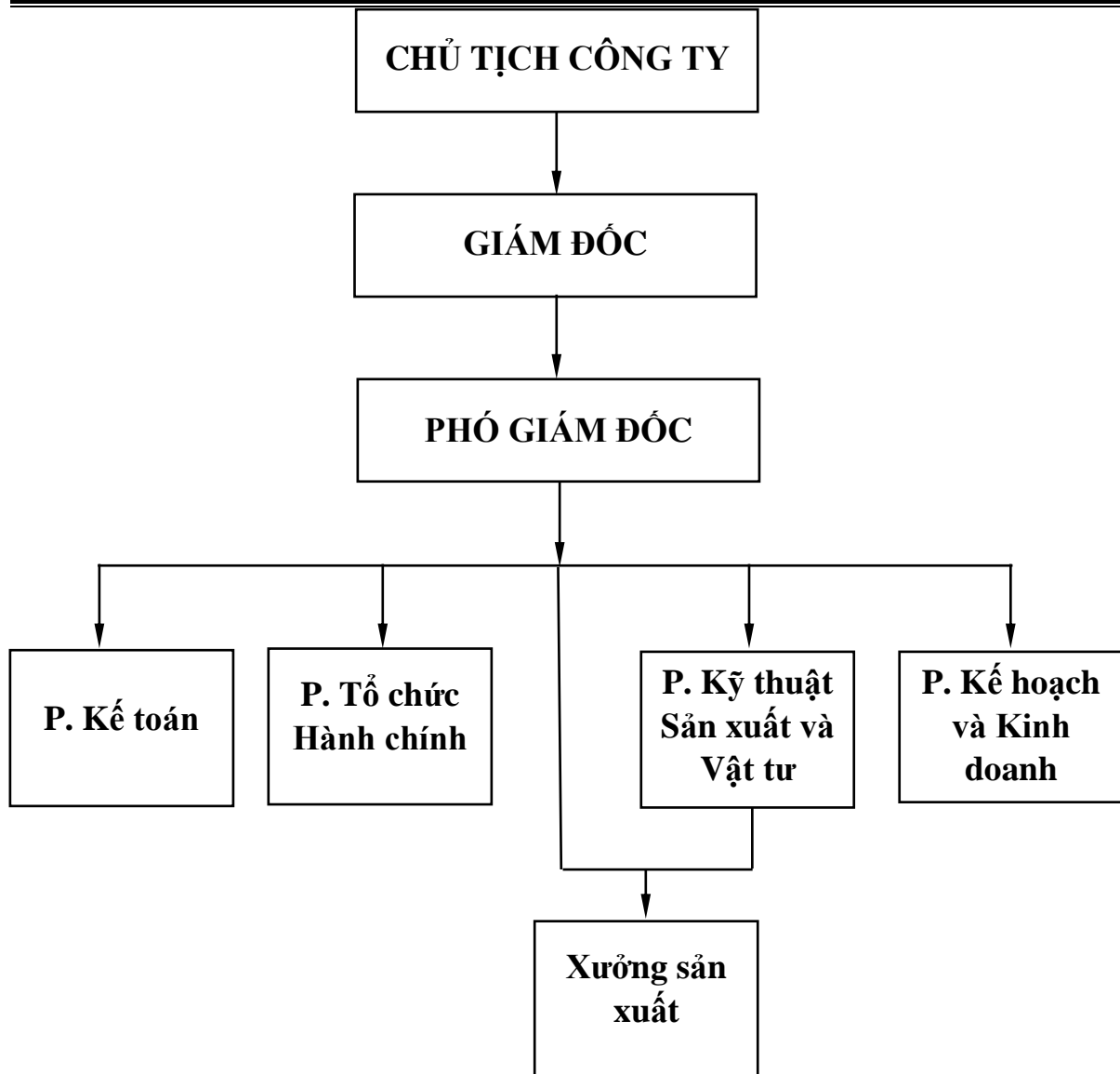
- Không ngừng cải tiến quy trình công nghệ để thích ứng với yêu cầu của thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và năng suất lao động.

- Quản lý vốn, cơ sở vật chất theo đúng kế hoạch của công ty đã đề ra nhằm sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, đem lại lợi nhuận tối đa và hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất.

- Thực hiện báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành của Nhà nước, chịu trách nhiệm về độ chính xác của các báo cáo đã lập.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo hình thức trực tuyến chức năng và được thể hiện qua sơ đồ 2.1 như sau:



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

a) **Chủ tịch Công ty** là người đứng đầu công ty. Đây là người chủ sở hữu nhân danh công ty chịu trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ trước pháp luật. Bên cạnh đó, chủ tịch có quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Giám đốc và Phó giám đốc. Là người chịu mọi trách nhiệm đối với công ty trước pháp luật thay chủ sở hữu.

b) **Giám đốc và Phó giám đốc** sẽ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty về các quyền và nhiệm vụ của mình. Giám đốc và phó giám đốc có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Ban hành

các quy chế về nhân sự, tài chính, kế hoạch kinh doanh, cơ cấu tổ chức... của công ty.

c) Phòng Kế toán.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thu chi tài chính: tháng, quý, năm; giám sát toàn bộ hoạt động tài chính, kế toán của Công ty theo quy định của Pháp luật kế toán thông kê Nhà nước đã ban hành.

- Quản lý vốn và tài sản đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh – dịch vụ. Tham mưu các giải pháp bảo toàn và phát triển vốn. Nghiên cứu, đề xuất các phương thức đổi mới và quản lý kinh tế.

- Hạch toán kế toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh – dịch vụ của Công ty, phân tích hoạt động kinh tế và tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động tài chính kế toán theo quy định hiện hành.

- Tham gia xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức sử dụng phương tiện, vật tư. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chi tiêu tài chính trong nội bộ Công ty.

- Theo dõi việc mua, bán, xuất – nhập vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh – dịch vụ của công ty. Thực hiện công tác kiểm kê định kỳ, kiểm kê đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

- Lưu trữ và bảo quản các tài liệu liên quan đến các mặt hàng công tác và nghiệp vụ của phòng theo quy định của pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm bảo mật các tài liệu đó.

- Tìm hiểu, nghiên cứu, cập nhật chế độ chính sách, pháp luật về công tác Tài chính doanh nghiệp để áp dụng cho phù hợp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, điều động của Giám đốc.

- Làm sổ sách theo dõi chi tiết, lập báo cáo trung thực, rõ ràng.

d) Phòng Tổ chức Hành chính

- Xây dựng tổ chức bộ máy hoạt động cơ quan theo quy định của Nhà nước, phù hợp với tình hình phát triển chung của Doanh nghiệp.

- Quy hoạch, phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên theo từng giai đoạn trung hạn, dài hạn. Sắp xếp, bố trí, tiếp nhận, điều động cán bộ, công nhân viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô từng công trình.

- Thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, công nhân viên như: nâng lương, chuyển xếp ngạch, nâng ngạch, nghỉ hưu, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nghỉ ốm, thai sản và phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước.

- Quản lý, cập nhật, bổ sung hồ sơ, lý lịch và sổ Bảo hiểm xã hội của cán bộ viên chức và hợp đồng lao động.

- Thống kê và báo cáo về công tác tổ chức nhân sự theo định kỳ và đột xuất.

- Thực hiện công tác hành chính, tổng hợp văn thư, lưu trữ, quản lý và sử dụng con dấu.

e) Phòng Kế hoạch và Kinh doanh

- Thực hiện các thủ tục pháp lý về công tác hợp đồng kinh tế và các dự án đầu tư. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện hợp đồng đã ký kết, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh, những bất hợp lý để tham mưu cho Giám đốc xử lý. Khi hợp đồng thực hiện xong phải nghiệm thu đưa vào sử dụng đồng thời tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng để làm cơ sở thanh toán giữa các bên, thanh toán công nợ.

- Cùng các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Giám đốc về công tác giao khoán các hạng mục công việc và tham gia nghiệm thu khối lượng thực hiện hàng tháng, hoàn thành hồ sơ để làm cơ sở cho thanh quyết toán.

- Đôn đốc kiểm tra giám sát trong suốt quá trình triển khai kế hoạch; phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc tham mưu cho Giám đốc khắc phục điều hòa kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Tổng hợp kết quả sản xuất theo từng hạng mục công việc và từng kỳ.

- Chủ trì, phối hợp với các bên, các đơn vị trực thuộc xác định hạng mục công việc, đơn giá, lập dự toán để phục vụ việc lập kế hoạch cho năm kế hoạch gồm 2 mảng hoạt động chính là sản xuất, thương mại, dịch vụ trình Giám đốc phê duyệt để báo cáo và các cấp có thẩm quyền.

- Trên cơ sở kế hoạch năm đã được thông qua xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện, cân đối phân bổ kế hoạch theo từng quý, tháng để giao các đơn vị trực

thuộc cũng như hợp đồng thuê ngoài trình Giám đốc phê duyệt. Trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn công ty theo chỉ đạo của Giám đốc.

- Soát xét hồ sơ tham mưu cho Giám đốc thẩm duyệt về dự toán, thanh quyết toán khối lượng thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, các dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ báo cáo thống kê về kinh tế kế hoạch theo quy định của công ty, của ngành và của Nhà nước.

- Phân tích đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm Trên cơ sở đó dự thảo báo cáo tổng kết kế hoạch quý, năm, rút ra những mặt mạnh, yếu, tìm nguyên nhân để phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.

- Trực tiếp lưu trữ, bảo quản lâu dài các loại hồ sơ liên quan.

f) Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư

- Tham mưu xây dựng kế hoạch về sản xuất sản phẩm cho các dự án, dự trữ vật tư để quá trình sản xuất luôn diễn ra liên tục không bị gián đoạn do thiếu nguyên vật liệu sản xuất.

- Kiểm tra cũng như sửa chữa, thay mới các thiết bị máy móc định kì để tránh xảy ra việc hỏng hóc máy móc làm ảnh hưởng sản xuất.

- Nghiên cứu cải tiến sản phẩm cũng như cải tiến gia công các thiết bị máy móc để sản phẩm được tốt hơn.

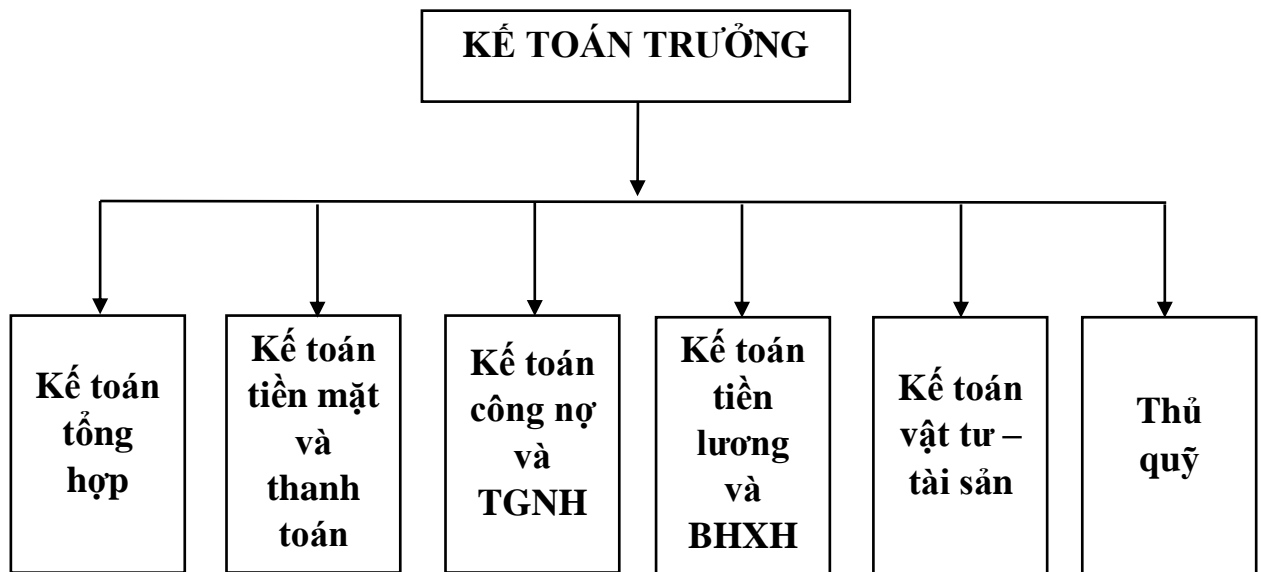
- Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm cũng như thử nghiệm tính ổn định của sản phẩm trên môi trường thực tế.

g) Xưởng sản xuất sẽ trực tiếp tham gia quá trình sản xuất, gia công, lắp ráp, kiểm tra và tiến hành sửa chữa các sản phẩm và chi tiết sản phẩm. Xưởng sản xuất phải đảm bảo sản xuất đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

2.1.4.1. Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty.

Căn cứ vào quy mô và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Cụ thể được thể hiện qua sơ đồ 2.2 như sau:



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn

Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận:

- **Kế toán trưởng:** Là người trực tiếp tổ chức, quản lý và điều hành bộ máy kế toán. Có nhiệm vụ tham mưu các hoạt động tài chính cho Giám đốc, trực tiếp lãnh đạo các nhân viên kế toán trong công ty, kiểm tra công tác thu nhập và xử lý chứng từ kiểm soát và phân tích tình huống vốn của đơn vị.... Cuối tháng Kế toán trưởng có nhiệm vụ kiểm tra báo cáo quyết toán do kế toán tổng hợp lập nên để báo cáo cho lãnh đạo.

- **Kế toán tổng hợp:** Có nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra số liệu của các kế toán viên rồi tổng hợp số liệu báo cáo quyết toán theo quý. Tập hợp chi phí xác định doanh thu, hạch toán lãi lỗ và đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty.

- **Kế toán tiền mặt và thanh toán:** Ghi chép, phản ánh kịp thời chính xác đầy đủ các khoản thu chi tiền mặt, thanh toán nội bộ và các khoản thanh toán khác, đồng đốc việc thực hiện tạm ứng.

- **Kế toán công nợ và tiền gửi ngân hàng:** Theo dõi tình hình biến động của tiền gửi và tiền vay ngân hàng, theo dõi công nợ của các cá nhân và tổ chức.

- **Kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội:** Có nhiệm vụ tính lương thưởng, lập bảng phân bổ tiền lương cho từng tổ sản xuất, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo

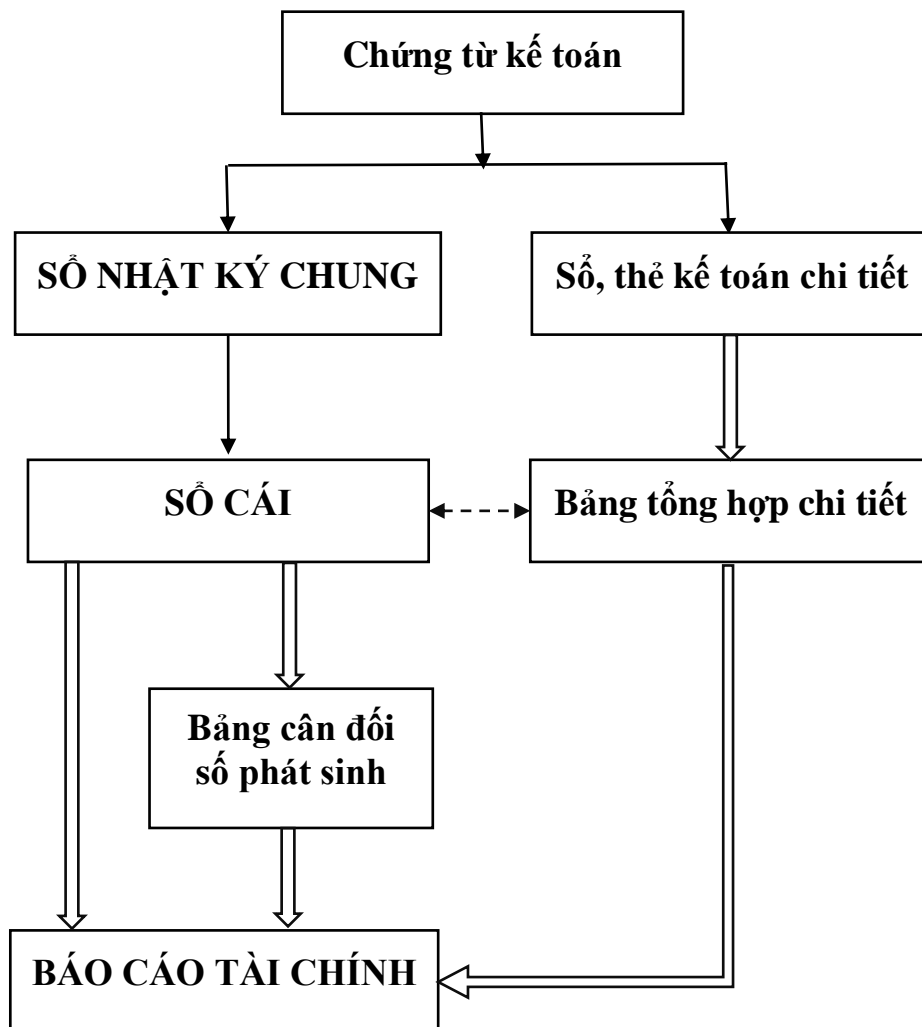
hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo đúng quy định theo từng tháng cho công nhân viên trong Công ty.

- **Kế toán vật tư – tài sản:** Theo dõi tình hình cung ứng, xuất – nhập vật tư, kiểm tra giám sát về số lượng hiện trạng tài sản cố định hiện có, tình hình tăng giảm, tính và phân bổ khấu hao cho các đối tượng sử dụng.

- **Thủ quỹ:** Có trách nhiệm theo dõi tình hình thu – chi và quản lý tiền mặt của công ty.

2.1.4.2. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty.

Hiện tại công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung theo sơ đồ 2.3 như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ⇨

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn

Theo đó trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung như sau:

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc hợp pháp, hợp lệ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi vào sổ Nhật ký chung.

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản liên quan theo từng nghiệp vụ.

- Những chứng từ liên quan đến các đối tượng cần hạch toán chi tiết thì đồng thời được ghi vào các sổ chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng cộng sổ kế toán chi tiết để lấy số liệu lập các báo cáo tổng hợp chi tiết.

- Cuối tháng cộng sổ cái tài khoản, số liệu trên sổ cái đối chiếu với các bảng tổng hợp chi tiết có liên quan. Sổ cái sau khi đối chiếu khớp đúng được dùng để lập bảng Cân đối số phát sinh các tài khoản.

- Cuối tháng, cuối quý căn cứ vào đối chiếu số phát sinh các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết để lập bảng báo cáo kế toán (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ).

2.1.4.3. Các chính sách kế toán của Công ty.

- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là đồng Việt Nam.

- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Kế toán hàng tồn kho:

+ Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ Tính giá trị xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Kế toán tài sản cố định: Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng.

2.2. Thực trạng công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV

Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

2.2.1. Khái quát chung về NVL và CCDC của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

2.2.1.1. Nguyên vật liệu của Công ty

Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn là công ty chuyên sản xuất ống nhựa dân dụng và công nghiệp, do đó nguyên vật liệu chính là hạt nhựa.

❖ Nguyên vật liệu chính:

- Hạt nhựa nguyên sinh HDPE: Nhựa HDPE có đặc tính không hút ẩm; độ mềm hóa thấp, dễ gia công; chịu hóa chất tốt; cách điện tốt; không bị bạc màu, chịu nhiệt tốt, không rão. Ngoài ra, chúng có khả năng chịu lửa ở nhiệt độ 327°C, chịu được áp lực và độ va đập tốt. Chính vì thế mà nhựa HDPE thường được sử dụng để làm các ống dẫn nước, hóa chất.

- Hạt nhựa tái sinh PVC: Đặc tính của hạt nhựa này là chịu thời tiết tốt; độ bền cao; chịu nhiệt tốt. Trong quá trình tái chế, nhựa PVC được pha trộn với một số phụ gia như chất ổn nhiệt, các loại tác nhân: hấp thụ UV, bôi trơn, hóa dẻo, trợ gia công, tăng cứng, chống va đập, chống cháy, bột nở để phù hợp với tính năng của từng loại sản phẩm.

❖ Nguyên vật liệu phụ: Bao gồm nhiều chủng loại kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn thiện thành phẩm. Hiện nay công ty đang sử dụng các loại phụ gia hóa chất trong quá trình sản xuất như bột đá, bột màu, chất ổn định (KN500, ACT201, TS, NS), chất bôi trơn, chất hóa dẻo, bột nở, phụ gia PVC.

❖ Nhiên liệu: Xăng, dầu,...

❖ Phụ tùng thay thế: Băng chuyền, dây curoa, cầu dao,...

2.2.1.2. Công cụ dụng cụ của Công ty.

Công cụ dụng cụ của công ty chia thành 2 loại:

- Vật dụng của công nhân: quần áo bảo hộ, găng tay, xẻng xúc...

- Bao bì luân chuyển: Là những bao bì được luân chuyển nhiều lần dùng để chứa đựng vật tư, sản phẩm, hàng hóa như thùng, bình chứa,...

2.2.2. Tính giá NVL và CCDC của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

Đánh giá NVL, CCDC là dùng thước đo tiền tệ biểu hiện giá trị của NVL, CCDC theo những tiêu thức nhất định bảo đảm yêu cầu chân thực thống nhất.

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn mua NVL, CCDC từ nhiều nguồn khác nhau vào các thời điểm khác nhau nên giá mua, chi phí thu mua cũng khác nhau.

Việc đánh giá NVL, CCDC có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác kế toán NVL, CCDC của công ty. Phương pháp tính giá hợp lý sẽ giúp cho việc hạch toán được tiến hành thuận lợi chính xác, đảm bảo phản ánh đúng tình hình vật liệu trong công ty.

2.2.2.1. Tính giá NVL và CCDC nhập kho.

NVL, CCDC của công ty được thu mua ngoài từ các công ty trong nước. Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, do đó trị giá vốn thực tế NVL không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

$$\begin{matrix} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Các khoản thuế} & & \text{Chi} & & \text{Các khoản} \\ \text{tế nhập} & = & \text{ghi trên} & + & \text{không được} & + & \text{phí} & - & \text{giảm trừ (nếu} \\ \text{kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{hoàn lại} & & \text{mua} & & \text{có)} \end{matrix}$$

Trong đó:

- Giá mua là giá không có thuế GTGT nếu NVL, CCDC mua về dùng để sản xuất các mặt hàng chịu thuế GTGT; Giá mua là giá có thuế GTGT nếu NVL, CCDC mua về sử dụng vào sản xuất các mặt hàng không chịu thuế GTGT.

- Các khoản thuế không được hoàn lại bao gồm: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường,...

- Chi phí mua bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,.. NVL và CCDC từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua NVL, CCDC và số hao hụt tự nhiên trong định mức.

Đối với chi phí vận chuyển, bốc xếp:

Nếu công ty mua NVL, CCDC mà chi phí vận chuyển bốc dỡ nằm trong giá mua thì giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho chính là giá bán trên hóa đơn.

Nếu chi phí vận chuyển bốc dỡ công ty chịu thì trị giá của NVL, CCDC nhập kho bao gồm cả chi phí vận chuyển bốc dỡ.

Các chi phí vận chuyển bốc dỡ... được tập hợp vào cuối tháng và sẽ được cộng vào trị giá thực tế NVL, CCDC nhập kho cho từng loại nguyên vật liệu.

Trong trường hợp chi phí vận chuyển, bốc dỡ... phát sinh cho nhiều loại NVL, CCDC thì tập hợp các chi phí này lại và cuối tháng phân bổ chi phí đó cho từng loại NVL, CCDC theo giá trị NVL, CCDC mua về.

Ví dụ 2.1: Ngày 19/01/2019, Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn mua 2.400 kg hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW của công ty Cổ phần Bắc Hải Dương. Theo hóa đơn GTGT số 0002421 với trị giá hàng mua chưa thuế GTGT 10% là 64.800.000 đồng, đơn giá mua ghi trên hóa đơn là 27.000 đ/kg. Công ty chưa thanh toán. Hàng được chuyển đến kho của công ty không phát sinh chi phí vận chuyển.

⇒ Giá nhập kho nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW là: 27.000 đ/kg.

Ví dụ 2.2: Ngày 28/01/2019, Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn mua 15 bộ bảo hộ lao động và 15 đôi găng tay của Công ty TNHH XNK và TM Thái Tuấn. Theo hóa đơn GTGT số 000326 với trị giá hàng mua chưa thuế GTGT 10% là 3.000.000 đồng, đơn giá ghi trên hóa đơn là 180.000 đ/bộ quần áo, 20.000 đ/đôi găng tay. Công ty thanh toán bằng tiền mặt. Hàng giao tận kho công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua.

⇒ Giá nhập kho bộ bảo hộ lao động là: 180.000 đ/bộ.

Giá nhập kho đôi găng tay là: 20.000 đ/đôi.

2.2.2.2. Tính giá NVL và CCDC xuất kho.

Công ty đang tiến hành tính giá NVL, CCDC xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập và xuất kho, kế toán phải xác định lại số lượng hàng tồn kho và đơn giá của chúng.

Ví dụ 2.3: Ngày 05/01/2019 Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn xuất 8.200 kg hạt nhựa HDPE HHM 5502 LW để sản xuất.

Tình hình tồn hạt nhựa HDPE HHM 5502 LW trong kho đến ngày 05/01/2019 như sau:

Có 11.450 kg hạt nhựa HDPE HHM 5502 LW với đơn giá là 26.900 đ/kg.

Có 4.500 kg hạt nhựa HDPE HHM 5502 LW với đơn giá là 29.000 đ/kg.

⇒ Giá xuất kho 8.200 kg hạt nhựa HDPE HHM 5502 LW ngày 5/1 là 26.900 đ/kg.

Ví dụ 2.4: Vật dụng của công nhân bao gồm quần áo, găng tay, xẻng xúc,... được phân bổ trong 15 tháng. Ngày 28/01/2019 Công ty mua nhập kho 15 bộ bảo hộ và 15 đôi găng tay sau đó xuất dùng ngay 5 bộ bảo hộ lao động và găng tay cho xưởng sản xuất.

Tình hình tồn bộ bảo hộ lao động FDI và găng tay lao động trong kho đến ngày 28/01/2019 như sau:

Có 15 bộ bảo hộ lao động FDI với đơn giá là 180.000 đ/bộ.

Có 15 đôi găng tay lao động với đơn giá là 20.000 đ/đôi.

⇒ Giá xuất kho 5 bộ bảo hộ lao động FDI ngày 28/01/2019 là 180.000 đ/bộ.

Giá xuất kho 5 đôi găng tay ngày 28/01/2019 là 20.000 đ/đôi.

2.2.3. Trình tự, thủ tục nhập, xuất kho NVL và CCDC của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

2.2.3.1. Trình tự, thủ tục nhập kho NVL và CCDC.

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT

- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số 03 – VT)

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)

b) Thủ tục nhập kho:

Căn cứ theo nhu cầu sản xuất và định mức tiêu hao NVL, CCDC do Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư đề ra, Phòng Kế hoạch và Kinh doanh lên kế hoạch mua vật tư sau đó trình lên cho Giám đốc ký duyệt. Khi Giám đốc đã ký duyệt kế hoạch mua vật tư, Phòng Kế hoạch và Kinh doanh lập hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng chuyển cho Kế toán vật tư – tài sản kiểm tra sau đó chuyển cho Giám đốc ký duyệt.

Khi NVL, CCDC về đến Công ty, Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư cùng với Thủ kho và Kế toán vật tư – tài sản sẽ tiến hành kiểm tra căn cứ vào hóa đơn GTGT, đối chiếu với hợp đồng ký kết về số lượng, chủng loại, chất lượng từng loại vật liệu, sau đó lập biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa. Thủ kho tiến hành nhập kho NVL, CCDC.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa Kế toán vật tư – tài sản sẽ lập ba liên Phiếu nhập kho.

Một liên lưu lại quyền.

Một liên giao cho Thủ kho để ghi thẻ kho.

Một liên chuyển lên Phòng Kế toán cùng với hóa đơn GTGT để làm căn cứ cho Kế toán vật tư – tài sản ghi sổ.

Tiếp ví dụ 2.1:

Thủ tục nhập kho của ví dụ 2.1 như sau:

- Căn cứ theo nhu cầu sản xuất và định mức tiêu hao NVL do Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư đề ra, Phòng Kế hoạch và Kinh doanh lên kế hoạch mua vật tư sau đó trình lên cho Giám đốc ký duyệt.

- Khi Giám đốc đã ký duyệt kế hoạch mua vật tư, Phòng Kế hoạch và Kinh doanh lập đơn đặt hàng chuyển cho Kế toán vật tư – tài sản kiểm tra sau đó trình lên cho Giám đốc ký duyệt.

- Sau đó Ông Phạm Trung Kiên – nhân viên Phòng Kế hoạch và Kinh doanh sẽ làm việc với Công ty Cổ phần Bắc Hải Dương để mua hạt nhựa HDPE. (Hóa đơn GTGT số 0002421)

- Khi hàng về đến công ty thì Bà Bùi Thị Hà – nhân viên Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư cùng với Bà Hoàng Thị Thu – Thủ kho và Bà Nguyễn Thị Hằng – Kế toán vật tư - tài sản tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và nhập hàng sau đó lập biên bản kiểm nghiệm vật tư. Đồng thời bà Hoàng Thị Thu sẽ nhập kho NVL.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0002421 (biểu 2.1) và biên bản kiểm nghiệm vật tư (biểu 2.2) bà Nguyễn Thị Hằng lập phiếu nhập kho (biểu 2.3).

- Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, 1 liên lưu tại quyền cho Kế toán vật tư
– tài sản làm căn cứ ghi sổ, 1 liên chuyển cho người giao hàng, 1 liên chuyển cho
bà Hoàng Thị Thu - Thủ kho để lập thẻ kho.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0002421

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho người mua		Ký hiệu: VT/19B			
Ngày 19 tháng 01 năm 2019		Số: 0002421			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC HẢI DƯƠNG					
Mã số thuế: 02003409567					
Địa chỉ: Số 93 đường Bình Minh, phường Phạm Ngũ Lão, TP Hải Dương					
Điện thoại:		Fax:			
Số tài khoản: 25637890					
Họ tên người mua hàng: Phạm Trung Kiên					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP NHỰA KIM SƠN					
Mã số thuế: 0200600935					
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:		Số tài khoản:			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW	Kg	2.400	27.000	64.800.000
Cộng tiền hàng:					64.800.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					6.480.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					71.280.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.2: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa số 07

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn					Mẫu số 03 - VT (Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)				
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng									
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM									
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá									
Ngày 19 tháng 01 năm 2019									
							Số: 07		
- Căn cứ HĐ số 0002421 ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Công ty cổ phần Bắc Hải Dương									
Ban kiểm nghiệm gồm:									
+ Bà Bùi Thị Hà			Chức vụ: Nhân viên Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư						
+ Bà Hoàng Thị Thu			Chức vụ: Thủ kho						
+ Bà Nguyễn Thị Hằng			Chức vụ: Kế toán vật tư – tài sản						
Đã kiểm nghiệm các loại:									
Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	SL theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú	
						SL đúng quy cách, phẩm chất	SL không đúng quy cách, phẩm chất		
A	B	C	D	E	1	2	3	F	
1	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW		Xác suất	Kg	2.400	2.400	0		
Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Tất cả số lượng hạt nhựa mua nhập kho đều đúng quy cách									
Đại diện kỹ thuật			Thủ kho			Trưởng ban			
<i>(Ký, họ tên)</i>			<i>(Ký, họ tên)</i>			<i>(Ký, họ tên)</i>			

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.3: Phiếu nhập kho số 007

<p>Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn</p> <p>Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng</p>	<p style="text-align: center;">Mẫu số 01 - VT</p> <p style="text-align: center;">(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)</p>						
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 19 tháng 01 năm 2019							
Số: PN007							
Nợ: 152							
Có: 331							
<p>- Họ và tên người giao: Vũ Văn An – Công ty Cổ phần Bắc Hải Dương</p> <p>- Căn cứ HĐ số 0002421 ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Công ty Cổ phần Bắc Hải Dương</p> <p>- Căn cứ Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 07 ngày 19 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Nhập tại kho: kho công ty</p>							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW		Kg	2.400	2.400	27.000	64.800.000
	Cộng	x	x	x	x	x	64.800.000
<p>- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng</p> <p>- Số chứng từ gốc kèm theo: 02</p> <p style="text-align: right;">Ngày 19 tháng 01 năm 2019</p>							
Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng				
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)				

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Tiếp ví dụ 2.2:

Thủ tục nhập kho của ví dụ 2.2 như sau:

- Căn cứ theo nhu cầu sản xuất và định mức tiêu hao CCDC do Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư đề ra, Phòng Kế hoạch và Kinh doanh lên kế hoạch mua vật tư sau đó trình lên cho Giám đốc ký duyệt.

- Khi Giám đốc đã ký duyệt kế hoạch mua vật tư, Phòng Kế hoạch và Kinh doanh lập đơn đặt hàng chuyển cho Kế toán vật tư - tài sản kiểm tra sau đó chuyển cho Giám đốc ký duyệt.

- Sau đó ông Phạm Trung Kiên – nhân viên Phòng Kế hoạch và Kinh doanh sẽ làm việc với Công ty TNHH NXX và TM Thái Tuấn để mua bộ bảo hộ lao động và găng tay lao động. (Hóa đơn GTGT số 000326)

- Khi hàng về đến công ty thì Ông Phạm Hùng Thái – nhân viên Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư cùng với Bà Hoàng Thị Thu – Thủ kho và Bà Nguyễn Thị Hằng – Kế toán vật tư - tài sản tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và nhập hàng sau đó lập biên bản kiểm nghiệm vật tư. Đồng thời Bà Hoàng Thị Thu sẽ nhập kho CCDC.

- Căn cứ hóa đơn GTGT số 000326 (biểu 2.4) và biên bản kiểm nghiệm vật tư (biểu 2.5) bà Nguyễn Thị Hằng lập phiếu nhập kho (biểu 2.6).

- Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, 1 liên lưu tại quyền làm căn cứ ghi sổ, 1 liên chuyển cho người giao hàng, 1 liên chuyển cho Thủ kho để ghi thẻ kho.

- Khi hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho được chuyển về Phòng Kế toán thì Kế toán tiền mặt và thanh toán sẽ tiến hành lập phiếu chi (biểu số 2.7).

Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT số 000326

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho người mua		Ký hiệu: VT/19B			
Ngày 28 tháng 01 năm 2019		Số: 000326			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XNK VÀ TM THÁI TUẤN Mã số thuế: 0201294303 Địa chỉ: Số 42 Nguyễn Bình Khiêm, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng Điện thoại: 0918 762 369 Fax: 0225 3848 556 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Phạm Trung Kiên Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP NHỰA KIM SƠN Mã số thuế: 0200600935 Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng Hình thức thanh toán: Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Bảo hộ lao động FDI	Bộ	15	180.000	2.700.000
2	Găng tay lao động	Đôi	15	20.000	300.000
Cộng tiền hàng:					3.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					300.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.5: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa số 09

<p>Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng</p>	<p style="text-align: center;">Mẫu số 03 - VT</p> <p>(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)</p>																																															
<p>BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM</p> <p>Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá</p> <p>Ngày 28 tháng 01 năm 2019</p> <p style="text-align: right;">Số: 09</p>																																																
<p>- Căn cứ HD số 000326 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Công ty TNHH XNK và TM Thái Tuấn</p> <p>Ban kiểm nghiệm gồm:</p> <p>+ Ông Phạm Hùng Thái Chức vụ: Nhân viên Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư</p> <p>+ Bà Hoàng Thị Thu Chức vụ: Thủ kho</p> <p>+ Bà Nguyễn Thị Hằng Chức vụ: Kế toán vật tư – tài sản</p> <p>Đã kiểm nghiệm các loại:</p>																																																
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Số TT</th> <th rowspan="2">Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá</th> <th rowspan="2">Mã số</th> <th rowspan="2">Phương thức kiểm nghiệm</th> <th rowspan="2">ĐVT</th> <th rowspan="2">SL theo chứng từ</th> <th colspan="2">Kết quả kiểm nghiệm</th> <th rowspan="2">Ghi chú</th> </tr> <tr> <th>SL đúng quy cách, phẩm chất</th> <th>SL không đúng quy cách, phẩm chất</th> </tr> <tr> <th>A</th> <th>B</th> <th>C</th> <th>D</th> <th>E</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>F</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Bảo hộ lao động FDI</td> <td></td> <td>Toàn bộ</td> <td>Bộ</td> <td>15</td> <td>15</td> <td>0</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Găng tay lao động</td> <td></td> <td>Toàn bộ</td> <td>Đôi</td> <td>15</td> <td>15</td> <td>0</td> <td></td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>		Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	SL theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú	SL đúng quy cách, phẩm chất	SL không đúng quy cách, phẩm chất	A	B	C	D	E	1	2	3	F	1	Bảo hộ lao động FDI		Toàn bộ	Bộ	15	15	0		2	Găng tay lao động		Toàn bộ	Đôi	15	15	0										
Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá							Mã số	Phương thức kiểm nghiệm		ĐVT	SL theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú																																	
		SL đúng quy cách, phẩm chất	SL không đúng quy cách, phẩm chất																																													
A	B	C	D	E	1	2	3	F																																								
1	Bảo hộ lao động FDI		Toàn bộ	Bộ	15	15	0																																									
2	Găng tay lao động		Toàn bộ	Đôi	15	15	0																																									
<p>Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Tất cả bộ quần áo, găng tay mua nhập kho đều đúng quy cách</p>																																																
<p>Đại diện kỹ thuật (Ký, họ tên)</p>	<p>Thủ kho (Ký, họ tên)</p>	<p>Trưởng ban (Ký, họ tên)</p>																																														

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.6: Phiếu nhập kho số 009

<p>Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn</p> <p>Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng</p>	<p>Mẫu số 01 - VT</p> <p>(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)</p>						
PHIẾU NHẬP KHO							
<p>Ngày 28 tháng 01 năm 2019</p> <p>Số: PN009</p>							
<p>Nợ: 153</p> <p>Có: 111</p>							
<p>- Họ và tên người giao: Nguyễn Hữu Phước – Công ty TNHH XNK và TM Thái Tuấn</p> <p>- Căn cứ HĐ số 000326 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Công ty TNHH XNK và TM Thái Tuấn</p> <p>- Căn cứ biên bản kiểm nghiệm vật tư số 09 ngày 28 tháng 01 năm 2019</p> <p>- Nhập tại kho: kho công ty</p>							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bảo hộ lao động FDI		Bộ	15	15	180.000	2.700.000
2	Găng tay lao động		Đôi	15	15	20.000	300.000
	Cộng	x	x	x	x	x	3.000.000
<p>- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu đồng chẵn.</p> <p>- Số chứng từ gốc kèm theo: 02</p> <p style="text-align: right;">Ngày 28 tháng 01 năm 2019</p>							
Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng				
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>				

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.7: Phiếu chi số 007

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp
nhựa Kim Sơn
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lô,
Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành
Phố Hải phòng

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 01

Ngày 28 tháng 01 năm 2019

Số: 007

Nợ 153: 3.000.000

Nợ 133: 300.000

Có 111: 3.300.000

Họ tên người nhận tiền: *Nguyễn Hữu Phước*

Địa chỉ: *Công ty TNHH XNK và TM Thái Tuấn*

Lý do chi: *Mua bộ bảo hộ lao động, găng tay lao động*

Số tiền: 3.300.000 (Viết bằng chữ): *Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo: Hóa đơn GTGT số 000236.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

2.2.3.2. Trình tự, thủ tục xuất kho NVL và CCDC.

a) Chứng từ sử dụng:

- Giấy đề nghị cấp vật tư
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)

b) Thủ tục xuất kho:

Khi có nhu cầu về vật tư, dựa trên cơ sở kế hoạch sản xuất và định mức tiêu hao Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư lập giấy đề nghị cấp vật tư sau đó chuyển cho Kế toán trưởng ký duyệt.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp vật tư đã ký nhận, Kế toán vật tư - tài sản lập Phiếu xuất kho thành 3 liên.

Một liên lưu lại quyền.

Một liên chuyển cho Thủ kho để tiến hành xuất NVL, CCDC và ghi chép thẻ kho.

Một liên chuyển người nhận vật tư để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Tiếp ví dụ 2.3:

Thủ tục xuất kho của ví dụ 2.3 như sau:

- Khi xưởng sản xuất có nhu cầu về NVL, Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư xem xét và lập giấy đề nghị cấp vật tư sau đó chuyển cho Kế toán trưởng ký duyệt.

- Căn cứ vào giấy đề nghị cấp vật tư (biểu 2.8) đã ký nhận, Bà Nguyễn Thị Hằng - Kế toán vật tư - tài sản lập Phiếu xuất kho (biểu 2.9) thành 3 liên.

Một liên lưu lại quyền để kế toán vật tư – tài sản ghi chép sổ sách.

Một liên chuyển cho Thủ kho để tiến hành xuất NVL và ghi chép thẻ kho.

Một liên chuyển cho người nhận vật tư để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Biểu 2.8: Giấy đề nghị cấp vật tư

Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc				
GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ					
Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn Phòng: Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư Bộ phận: Sản xuất ống nhựa đề nghị giám đốc công ty duyệt cấp loại vật tư sau:					
STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lý do sử dụng
1	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW		Kg	8.200	Sản xuất ống nhựa HDPE
Ngày 05 tháng 01 năm 2019					
Người lập phiếu	Phụ trách bộ phận	Kế toán trưởng	Giám đốc		
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 001

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn			Mẫu số 02 - VT				
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng			(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)				
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 05 tháng 01 năm 2019						Nợ: 621	
Số: P XK001						Có: 152	
<ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên người nhận: Phạm Văn Tấn xưởng sản xuất ống nhựa - Theo yêu cầu xuất: Ngày 05 tháng 01 năm 2019 của xưởng sản xuất ống nhựa - Xuất tại kho: kho công ty 							
Địa điểm:							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW		Kg	8.200	8.200	26.900	220.580.000
	Cộng	x	x	x	x	x	220.580.000
<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm hai mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng - Số chứng từ gốc kèm theo: 01 							
Ngày 05 tháng 01 năm 2019							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng				
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>				

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Tiếp ví dụ 2.4:

Thủ tục xuất kho của ví dụ 2.4 như sau:

- Khi xưởng sản xuất có nhu cầu về CCDC, Phòng Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư xem xét và lập giấy đề nghị cấp vật tư sau đó chuyển cho Kế toán trưởng ký duyệt.

- Căn cứ vào giấy đề nghị cấp vật tư (biểu 2.10) đã ký nhận, Bà Nguyễn Thị Hằng - Kế toán vật tư - tài sản lập Phiếu xuất kho (biểu 2.11) thành 3 liên.

Một liên lưu lại quyền để Kế toán vật tư – tài sản ghi chép sổ sách.

Một liên chuyển cho Thủ kho để tiến hành xuất CCDC và ghi chép thẻ kho.

Một liên chuyển cho người nhận vật tư để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Biểu 2.10: Giấy đề nghị cấp vật tư

Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập – Tự do – Hạnh phúc																		
GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ																			
Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn Phòng: Kỹ thuật Sản xuất và Vật tư Bộ phận: Sản xuất ống nhựa đề nghị giám đốc công ty duyệt cấp loại vật tư sau:																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 35%;">Tên vật tư</th> <th style="width: 10%;">Mã số</th> <th style="width: 10%;">ĐVT</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 25%;">Lý do sử dụng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Bảo hộ lao động FDI</td> <td></td> <td style="text-align: center;">Bộ</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td>Phục vụ sản xuất</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2</td> <td>Găng tay lao động</td> <td></td> <td style="text-align: center;">Đôi</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td>Phục vụ sản xuất</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lý do sử dụng	1	Bảo hộ lao động FDI		Bộ	5	Phục vụ sản xuất	2	Găng tay lao động		Đôi	5	Phục vụ sản xuất	
STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Lý do sử dụng														
1	Bảo hộ lao động FDI		Bộ	5	Phục vụ sản xuất														
2	Găng tay lao động		Đôi	5	Phục vụ sản xuất														
Ngày 28 tháng 01 năm 2019																			
Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Phụ trách bộ phận (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)																

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 004

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn				Mẫu số 02 - VT			
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng				(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 28 tháng 01 năm 2019				Số: 242			
Số: P XK004				Có: 153			
<ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên người nhận: Phạm Văn Tấn xưởng sản xuất - Theo yêu cầu xuất: Ngày 28 tháng 01 năm 2019 của xưởng sản xuất - Xuất tại kho: kho công ty 							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bảo hộ lao động FDI		Bộ	5	5	180.000	900.000
2	Găng tay lao động		Đôi	5	5	20.000	100.000
	Cộng	x	x	x	x	x	1.000.000
<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu đồng chẵn. - Số chứng từ gốc kèm theo: 							
Ngày 28 tháng 01 năm 2019							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng				
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>				

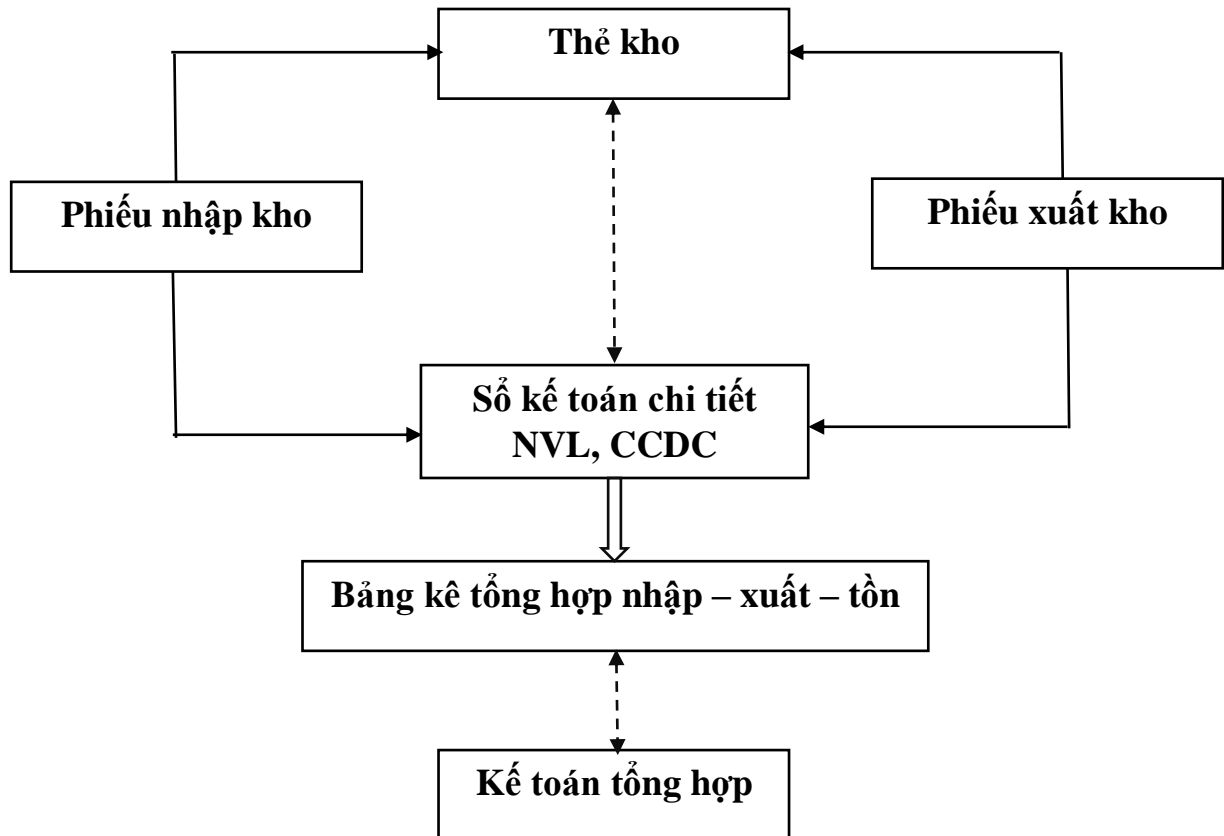
(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán chi tiết NVL và CCDC tại Công ty TNHH

MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

Công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn được tiến hành theo phương pháp ghi thẻ song song.

Quy trình hạch toán chi tiết NVL, CCDC tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ⇨

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL và CCDC tại Công ty

Tại kho:

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho Thủ kho thực hiện việc nhập - xuất kho và ghi số lượng vật tư thực nhập, thực xuất vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và thẻ kho.

- Thẻ kho được mở theo từng loại vật tư. Hàng ngày hoặc định kỳ, Thủ kho phải tập hợp chứng từ nhập xuất vật tư và giao cho kế toán.

- Cuối tháng, Thủ kho phải tiến hành cộng tổng số lượng vật tư nhập xuất trong tháng, từ đó tính ra lượng vật tư tồn cuối tháng theo từng loại vật tư.

Tại Phòng Kế toán:

- Kế toán vật tư - tài sản mở sổ kế toán chi tiết vật tư theo từng loại vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập xuất vật tư do Thủ kho chuyển tới, Kế toán vật tư - tài sản phải kiểm tra ghi đơn giá cho từng chứng từ nhập xuất vật tư. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vật tư vào sổ kế toán chi tiết theo từng loại vật tư.

- Cuối tháng, Kế toán vật tư - tài sản phải tiến hành cộng thẻ (sổ) kế toán chi tiết, để đối chiếu với thẻ kho của Thủ kho về mặt số lượng, đồng thời lập bảng tổng hợp chi tiết nhập - xuất - tồn kho vật tư để đối chiếu với kế toán tổng hợp NVL, CCDC về mặt giá trị.

Tiếp ví dụ 2.1, 2.3: Đối với NVL hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW.

Tại kho:

Thủ kho mở thẻ kho cho hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 001 (biểu 2.9) phiếu nhập kho số 007 (biểu 2.3) Thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu 2.12).

Tại Phòng Kế toán:

Kế toán vật tư - tài sản mở sổ kế toán chi tiết NVL cho hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW.

Khi nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho do Thủ kho chuyển tới, Kế toán vật tư - tài sản kiểm tra sau đó ghi chép các nghiệp vụ vào sổ chi tiết NVL (biểu 2.13).

Cuối tháng từ sổ chi tiết NVL kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết NVL (biểu 2.14).

Biểu 2.12: Thẻ kho hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn						Mẫu số S12 - DN			
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng						(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)			
THẺ KHO (SỔ KHO)									
Ngày lập thẻ: 01/01/2019									
Tờ số: 01									
- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW									
- Đơn vị tính: Kg									
- Mã số:									
STT	Ngày tháng CT	SH chứng từ		Diễn giải	Ngày N - X	Số lượng			Xác nhận của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Số dư đầu kỳ				15.950	
1	05/01		PX 001	Xuất cho sản xuất sản phẩm	05/01		8.200	7.750	
2	19/01	PN 007		Mua của CTY CP Bắc HD	19/01	2.400		10.150	
				Cộng phát sinh		2.400	8.200		
				Số dư cuối kỳ	x			10.150	x
- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...									
- Ngày mở sổ: ...									
						Ngày 31 tháng 01 năm 2019			
Thủ kho (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên)			

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.13: Sổ chi tiết NVL hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502 LW

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		Số dư đầu kỳ		<u>26.900</u>					<u>11.450</u>	<u>308.005.000</u>	
				<u>29.000</u>					<u>4.500</u>	<u>130.500.000</u>	
				x					15.950	438.505.000	
PX001	05/01	Xuất cho sản xuất sản phẩm	621	26.900			8.200	220.580.000	3.250	87.425.000	
				29.000					4.500	130.500.000	
PN007	19/01	Mua nhập kho của Công ty Cổ phần Bắc Hải Dương	331	26.900					3.250	87.425.000	
				29.000					4.500	130.500.000	
				27.000	2.400	64.800.000			2.400	64.800.000	
		Cộng số phát sinh	x	x	2.400	64.800.000	8.200	220.580.000			
		Số dư cuối kỳ		<u>26.900</u>					<u>3.250</u>	<u>87.425.000</u>	
				<u>29.000</u>					<u>4.500</u>	<u>130.500.000</u>	
				<u>27.000</u>					<u>2.400</u>	<u>64.800.000</u>	
				x					10.150	282.725.000	

Ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.14: Bảng tổng hợp chi tiết NVL

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn				Mẫu số S11 - DN					
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng				(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)					
BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU									
Tài khoản: 152									
Tháng 01 năm 2019									
STT	Tên, qui cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Hạt nhựa PVC SG5	10.000	240.000.000	0	0	8.500	204.000.000	1.500	36.000.000
2	Hạt nhựa PVC PB-1572	3.800	159.280.000	1.500	63.000.000	0	0	5.300	222.280.000
3	Hạt nhựa HDPE HHM 5502LW	15.950	438.505.000	2.400	64.800.000	8.200	220.580.000	10.150	282.725.000
4	Hạt nhựa HDPE M5018L	2.000	51.000.000	25.000	725.000.000	0	0	27.000	776.000.000
5	Bột màu	4.000	61.200.000	0	0	500	7.650.000	3.500	53.550.000
6	Chất ổn định	5.400	510.300.000	25.000	237.500.000	1.000	94.500.000	29.400	653.300.000
7	Chất hóa dẻo	1.900	40.470.000	2.800	57.960.000	750	15.975.000	3.950	82.455.000
								
	Cộng	x	1.962.580.000	x	1.460.640.000	x	721.380.000	x	2.701.840.000
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)				Giám đốc (Ký, họ tên)			
Ngày 31 tháng 01 năm 2019									

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Tiếp ví dụ 2.2, 2.4: Đối với CCDC bộ bảo hộ lao động FDI.

Tại kho:

Thủ kho mở thẻ kho cho bộ bảo hộ lao động FDI.

Căn cứ vào phiếu nhập kho số 009 (biểu 2.6) phiếu xuất kho số 004 (biểu 2.11)

Thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu 2.15).

Tại Phòng Kế toán:

Kế toán vật tư - tài sản mở sổ kế toán chi tiết cho bộ bảo hộ lao động FDI.

Khi nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho do Thủ kho chuyển tới, Kế toán vật tư - tài sản kiểm tra sau đó ghi chép các nghiệp vụ vào sổ chi tiết CCDC (biểu 2.16).

Cuối tháng từ sổ chi tiết CCDC kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết CCDC (biểu 2.17).

Biểu 2.15: Thẻ kho bộ bảo hộ lao động FDI

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn					Mẫu số S12 - DN				
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng					(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)				
THẺ KHO (SỔ KHO)									
Ngày lập thẻ: 01/01/2019									
Tờ số: 01									
- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Bộ bảo hộ lao động FDI									
- Đơn vị tính: Bộ									
- Mã số:									
STT	Ngày, tháng CT	Số hiệu CT		Diễn giải	Ngày N - X	Số lượng			Xác nhận của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Số dư đầu kỳ				0	
1	28/01	PN 009		Mua của CTY TNHH XNK & TM Thái Tuấn	28/01	15		15	
2	28/01		PX 004	Xuất cho xưởng sản xuất	28/01		5	10	
				Cộng số phát sinh		15	5		
				Số dư cuối kỳ	x			10	x
- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...									
- Ngày mở sổ: ...									
					Ngày 31 tháng 01 năm 2019				
Thủ kho (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên)			

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.16: Sổ chi tiết CCDC bộ bảo hộ lao động FDI

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn				Mẫu số S12 - DN							
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng				(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)							
SỔ CHI TIẾT CÔNG CỤ DỤNG CỤ											
Tháng 01 năm 2019											
Tài khoản: 153 Tên kho: kho công ty											
Tên, quy cách công cụ dụng cụ: Bộ bảo hộ lao động FDI											
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		Số dư đầu kỳ		-					-	-	
PN009	28/01	Mua của CTY TNHH XNK và TM Thái Tuấn	111	180.000	15	2.700.000			15	2.700.000	
PX004	28/01	Xuất cho xưởng sản xuất	242	180.000			5	900.000	10	1.800.000	
		Cộng số phát sinh	x	x	15	2.700.000	5	900.000			
		Số dư cuối kỳ	x	<u>180.000</u>					<u>10</u>	<u>1.800.000</u>	
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)				Giám đốc (Ký, họ tên)			
Ngày 31 tháng 01 năm 2019											

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.17: Bảng tổng hợp chi tiết CCDC

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn				Mẫu số S11 - DN					
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng				(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)					
BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CÔNG CỤ DỤNG CỤ									
Tài khoản: 153									
Năm 2019									
STT	Tên, qui cách dụng cụ	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Bộ bảo hộ lao động FDI	0	0	15	2.700.000	5	900.000	10	1.800.000
2	Găng tay bảo bộ	0	0	15	300.000	5	100.000	10	200.000
3	Xẻng xúc	10	1.500.000	0	0	0	0	10	1.500.000
4	Thùng chứa	50	14.800.000	0	0	10	2.960.000	40	11.840.000
								
	Cộng		25.650.000		3.000.000		3.960.000		24.690.000
<i>Ngày 31 tháng 01 năm 2019</i>									
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên)			

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

2.2.5. Thực trạng công tác kế toán tổng hợp NVL và CCDC tại Công ty TNHH

MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp hàng tồn kho. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập - xuất - tồn NVL, CCDC được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục từ đó giúp công tác quản lý NVL, CCDC tại Công ty chặt chẽ hơn.

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.
- TK 153: Công cụ, dụng cụ.

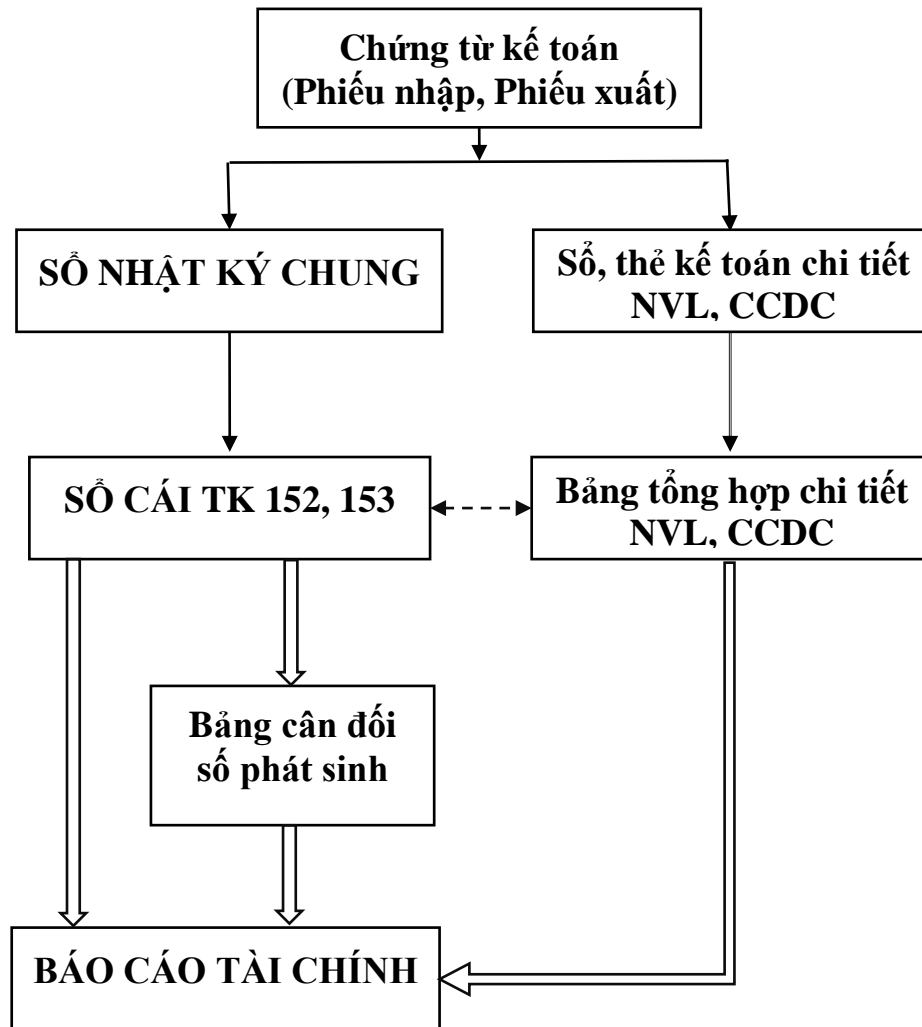
TK liên quan: TK 111, TK112, TK 331, TK133, TK 154, TK 621, 622, 627, ...

❖ Các loại sổ sử dụng:

- Sổ nhật ký chung (Mẫu số S03a-DN)
- Sổ cái TK 152, 153 (Mẫu số S03b-DN)

❖ Trình tự ghi sổ kế toán:

Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp NVL và CCDC tại Công ty được thể hiện theo sơ đồ 2.5 như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp NVL và CCDC của Công ty

- Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho đã được kiểm tra, kế toán ghi chép các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung.

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 152, 153 theo từng nghiệp vụ.

- Cuối tháng cộng sổ kế toán chi tiết để lấy số liệu lập các báo cáo tổng hợp chi tiết.

- Cuối tháng cộng số cái tài khoản 152, 153 sau đó đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết NVL, CCDC. Số cái sau khi đối chiếu khớp đúng được dùng để lập bảng Cân đối số phát sinh các tài khoản.

- Cuối quý căn cứ vào đối chiếu số phát sinh các tài khoản 152, 153, bảng tổng hợp chi tiết NVL, CCDC để lập bảng báo cáo kế toán (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh).

Tiếp Ví dụ 2.1, 2.3: Đối với NVL hạt nhựa nguyên sinh HDPE HHM 5502LW

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 001 (biểu 2.9), hóa đơn GTGT số 0002421 (biểu 2.1) và phiếu nhập kho số 007 (biểu 2.3) kế toán tiến hành ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.18).

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 152 (biểu 2.19).

Biểu 2.18: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn			Mẫu số: S03a-DN			
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng			(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2019						
Đơn vị tính: VNĐ						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
1/1	PC 001 HĐ 1875954	1/1	Thanh toán cước điện thoại Viettel	642 133 111	309.734 30.973	340.707
					
5/1	PX 001	5/1	Xuất kho hạt nhựa HDPE HHM 5502LW	621 152	220.580.000	220.580.000
5/1	PX 002	5/1	Xuất kho hạt nhựa PVC SG5	621 152	204.000.000	204.000.000
5/1	PX 003	5/1	Xuất kho bột màu	621 152	7.650.000	7.650.000
5/1	PX 003	5/1	Xuất kho chất ổn định	621 152	47.250.000	47.250.000
					
17/1	PN 005 HĐ 144	17/1	Mua hạt nhựa HDPE M5018L của Công ty TNHH LATCA - PM	152 133 331	725.000.000 72.500.000	795.500.000
17/1	PN 006 HĐ 284	17/1	Mua chất ổn định của Công ty Cổ phần Hóa chất HP	152 133 331	332.500.000 33.250.000	365.750.000
19/1	PN 007 HĐ 2421	19/1	Mua hạt nhựa HDPE HHM 5502LW của Công ty CP Bắc Hải Dương	152 133 331	64.800.000 6.480.000	71.280.000
					
			Cộng số phát sinh		228.423.570.000	228.423.570.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Biểu 2.19: Trích Sổ cái TK 152

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn			Mẫu số S03b-DN			
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng			(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ CÁI						
Năm 2019						
Tên tài khoản: Nguyên liệu vật liệu						
Số hiệu: TK 152						
ĐVT: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 1		<u>1.962.580.000</u>	
5/1	PX 001	5/1	Xuất kho hạt nhựa HDPE HHM 5502LW	621		220.580.000
5/1	PX 002	5/1	Xuất kho hạt nhựa PVC SG5	621		204.000.000
5/1	PX 003	5/1	Xuất kho bột màu	621		7.650.000
5/1	PX 003	5/1	Xuất kho chất ổn định	621		47.250.000
5/1	PX 003	5/1	Xuất kho chất hóa dẻo	621		15.975.000
					
17/1	PN 005	17/1	Mua hạt nhựa HDPE M5018L của Công ty TNHH LATCA - PM	331	725.000.000	
17/1	PN 006	17/1	Mua chất ổn định của Công ty Cổ phần Hóa chất HP	331	332.500.000	
19/1	PN 007	19/1	Mua hạt nhựa HDPE HHM 5502LW của Công ty CP Bắc Hải Dương	331	64.800.000	
19/1	PN 008	19/1	Mua chất hóa dẻo của Công ty Cổ phần Hóa chất HP	331	57.960.000	
					
			Cộng số phát sinh tháng 1		<u>1.460.640.000</u>	721.380.000
			Số dư cuối tháng 1		<u>2.701.840.000</u>	
					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

Tiếp Ví dụ 2.2, 2.4: Đối với CCDC bộ bảo hộ lao động FDI.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000326 (biểu 2.4) và phiếu nhập kho số 009 (biểu 2.6), phiếu xuất kho 004 (biểu 2.11) kế toán tiến hành ghi chép các nghiệp vụ trên vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.20).

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 153 (biểu 2.21).

Biểu 2.20: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn			Mẫu số: S03a-DN			
Địa chỉ: Số 21, Ngõ 117 đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng			(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2019						
Đơn vị tính: VNĐ						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
5/1	PX 001	5/1	Xuất kho hạt nhựa HDPE HHM 5502LW	621	220.580.000	
				152		220.580.000
5/1	PX 002	5/1	Xuất kho hạt nhựa PVC SG5	621	204.000.000	
				152		204.000.000
5/1	PX 003	5/1	Xuất kho bột màu	621	7.650.000	
				152		7.650.000
					
17/1	PN 005 HĐ 144	17/1	Mua hạt nhựa HDPE M5018L của Công ty TNHH LATCA - PM	152	725.000.000	
				133	72.500.000	
				331		795.500.000
17/1	PN 006 HĐ 284	17/1	Mua chất ổn định của Công ty Cổ phần Hóa chất HP	152	332.500.000	
				133	33.250.000	
				331		365.750.000
					
28/1	PN 009 HĐ 326	28/1	Mua bộ bảo hộ và găng tay của Công ty TNHH NXX và TM Thái Tuấn	153	3.000.000	
				133	300.000	
				111		3.300.000
28/1	PX 004	28/1	Xuất kho bộ bảo hộ lao động và găng tay	242	1.000.000	
				153		1.000.000
					
			Cộng số phát sinh		228.423.570.000	228.423.570.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH MVT CÔNG NGHIỆP NHỰA KIM SƠN.

3.1. Đánh giá khái quát về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán NVL, CCDC nói riêng tại công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

3.1.1. Ưu điểm.

❖ Về bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung đáp ứng được yêu cầu theo dõi chi tiết, tổng hợp tại công ty một cách nhanh chóng.

- Bộ máy kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, phân công công việc tương đối hợp lý phù hợp với tình hình thực tế của công ty và quy mô hoạt động loại hình sản xuất kinh doanh. Tính chuyên môn hóa cao giúp cho công tác kế toán diễn ra hiệu quả, tránh tình trạng chồng chéo, bỏ sót công việc. Các thành viên trong phòng luôn duy trì mối liên hệ công việc chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng trong quá trình làm việc.

- Đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, kinh nghiệm sâu rộng, nắm vững những quy định, chuẩn mực kế toán, có khả năng xử lý linh hoạt, nhạy bén trước thực tế phát sinh tại Công ty, nhiệt tình với công việc, có ý thức trau dồi chuyên môn nghiệp vụ.

❖ Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán:

Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn luôn tuân thủ Luật kế toán Việt Nam. Công ty đã áp dụng các chuẩn mực, quy định kế toán nói chung và Thông tư 200/2014/TT-BTC nói riêng trong công tác kế toán tại Công ty. Căn cứ vào các quy định, chuẩn mực đó, Công ty đã có những điều chỉnh nhất định cho hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và công tác hạch toán thực tế tại Công ty, theo đó:

- Các chứng từ kế toán của Công ty tuân thủ những yếu tố bắt buộc của mẫu chứng từ ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Trên nền tảng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty đã xây dựng một hệ thống tài khoản kế toán hợp lý và khoa học.

- Hệ thống sổ sách kế toán của Công ty tuân thủ chặt chẽ theo mẫu sổ của hình thức Nhật ký chung. Hình thức kế toán này rất phù hợp với quy mô của Công ty.

- Các báo cáo tài chính được lập theo đúng biểu mẫu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý của Công ty.

❖ Về kế toán chi tiết NVL và CCDC:

- Công ty hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song là rất phù hợp với qui mô cũng như đặc điểm NVL, CCDC của công ty. Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót, đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất, và tồn kho NVL, CCDC kịp thời, chính xác.

- Các thủ tục nhập, xuất kho được quy định chặt chẽ, việc ghi thẻ kho của thủ kho được kiểm tra thường xuyên vào cuối tháng đều có đối chiếu số liệu của kế toán nhằm đảm bảo quản lý NVL, CCDC cả về số lượng và giá trị.

- Giá NVL và CCDC nhập kho được xác định theo giá thực tế nhập kho, giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước, tuân thủ theo quy tắc và chế độ kế toán hiện hành.

❖ Về kế toán tổng hợp NVL và CCDC: Để hạch toán tổng hợp NVL, CCDC Công ty đã áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Với phương pháp này, NVL và CCDC được quản lý chặt chẽ và tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư cũng sẽ được cập nhật thường xuyên.

Mặc dù các thành tích đạt được về công tác kế toán là rất đáng ghi nhận, nó phản ánh được sự cố gắng của bộ máy kế toán của công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó, Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót nhất định cần phải khắc phục và hoàn thiện.

3.1.2. Nhược điểm.

❖ Thứ nhất: Về việc lập sổ danh điểm vật tư.

Đối với NVL: NVL của Công ty khá đa dạng về chủng loại và số lượng mà công ty chỉ tiến hành phân loại NVL theo chức năng và vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy đơn giản nhưng chưa khoa học do đó việc quản lý chi tiết đối với từng NVL sẽ không chặt chẽ, mất thời gian trong việc đối chiếu số liệu giữa thủ kho và phòng kế toán.

Đối với CCDC: Hiện nay số lượng các loại CCDC không nhiều và được Công ty phân thành 2 loại chính là vật dụng của công nhân và bao bì luân chuyển. Tuy nhiên Công ty chưa có sự phân tách cụ thể từng loại mà đều theo dõi hạch toán chung vào tài khoản 153. Điều này sẽ gây khó khăn nhiều khó khăn cho kế toán trong việc tính trị giá xuất kho và hạch toán cho từng đối tượng CCDC.

❖ Thứ hai: Về việc luân chuyển chứng từ.

Qua quan sát em thấy việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban trong Công ty diễn ra thường xuyên tuy nhiên các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ nên rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát không được quy trách nhiệm cho ai. Dẫn đến tình trạng thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ. Hơn nữa, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa lên phòng Kế toán.

❖ Thứ ba: Về việc áp dụng kế toán máy trong công tác kế toán.

Hiện nay Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn chỉ ứng dụng ghi chép sổ sách kế toán trên phần mềm Excel do đó vẫn còn nhiều hạn chế như:

- Tính bảo mật thấp, có thể dễ dàng bị xóa file và không thể phục hồi lại dữ liệu.
- File lưu riêng lẻ nên khi làm báo cáo tài chính cuối năm thì vô cùng bất tiện khi liên kết số liệu.
- Tìm kiếm, xử lý dữ liệu gặp khó khăn và chậm.
- Muốn tổng hợp dữ liệu thì phải tự thống kê nên rất mất thời gian.

Khi việc sử dụng phần mềm kế toán đã trở nên thông dụng như ngày nay thì kế toán bằng Excel đã trở nên lỗi thời và kém hiệu quả. Do vậy Công ty cần tìm

kiểm và sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với quy mô cũng như loại hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL và CCDC tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.

3.2.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty nên lập sổ danh điểm vật tư.

Như đã trình bày ở mục nhược điểm để thuận tiện cho công tác quản lý NVL, CCDC công ty nên xây dựng “Sổ danh điểm vật tư” để thống nhất tên gọi, ký hiệu và đơn vị tính. Sổ danh điểm vật tư tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm được thời gian quản lý, ghi sổ kế toán và số lượng từng loại NVL và CCDC, dễ dàng đối chiếu giữa Thủ kho và Phòng Kế toán.

Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại NVL, CCDC đã và đang sử dụng, được theo dõi từng nhóm, từng loại, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật tư được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Hiện nay, Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại NVL, CCDC. Việc không lập sổ danh điểm vật tư sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý NVL, CCDC tạo ra những nhầm lẫn, thiếu sót trong công tác kế toán.

Để lập sổ danh điểm vật tư thì quan trọng nhất cần xây dựng được bộ mã hoàn chỉnh cho từng đối tượng. Việc tiến hành mã hóa vật tư sẽ căn cứ vào phân loại ban đầu của công ty. Bộ mã vật tư sẽ được xây dựng thành hệ thống phân cấp, gồm nhiều trường cụ thể, mỗi cấp sẽ thể hiện cho một trường.

Cụ thể là mã NVL, CCDC của Công ty sẽ được mã hóa theo nguyên tắc sau:

XXXX.YY.ZZ trong đó:

- **XXXX** sẽ là tiêu khoản cấp 2 của NVL và CCDC cụ thể như sau:

Đối với NVL:

1521: “Nguyên vật liệu chính”

1522: “Nguyên vật liệu phụ”

1523: “Nhiên liệu”

1524: “Phụ tùng thay thế”

1525: “Phế liệu thu hồi”

Đối với CCDC:

1531: “Vật dụng của công nhân”

1532: “Bao bì luân chuyển”

- YY là mã loại NVL, CCDC, được đánh số từ 01 – 99.
- ZZ là số thứ tự NVL, CCDC, được đánh số từ 01 – 99.

Vận dụng nguyên tắc mã hóa đó, Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn có thể xây dựng Sổ danh điểm NVL (biểu 3.1) và Sổ danh điểm CCDC (biểu 3.2) như sau:

Biểu 3.1: Sổ danh điểm nguyên vật liệu

Mã nguyên vật liệu			Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
TK cấp 2	Loại	Số thứ tự			
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521.01		Hạt nhựa nguyên sinh HDPE		
		1521.01.01	Hạt nhựa HDPE HHM 5502 LW	Kg	
		1521.01.02	Hạt nhựa HDPE M5018L	Kg	
	1521.02		Hạt nhựa tái sinh PVC		
		1521.02.01	Hạt nhựa PVC SG-5	Kg	
		1521.02.02	Hạt nhựa PVC PB-1752	Kg	
		
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522.01		Hóa chất		
		1522.01.01	Bột đá	Kg	
		1522.01.02	Bột màu	Kg	
		1522.01.03	Chất ổn định	Kg	
		1522.01.04	Chất hóa dẻo	Kg	
		
1523			Nhiên liệu		
	1523.01		Xăng	Lít	
	1523.02		Dầu		
1524			Phụ tùng thay thế		
	1524.01		Cần dao	Cái	
	1524.02		Dây curoa	Cái	
		

Biểu 3.2: Sổ danh điểm công cụ dụng cụ

Mã công cụ dụng cụ			Tên công cụ dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi chú
TK cấp 2	Loại	Số thứ tự			
1531			Vật dụng của công nhân		
	1531.01		Bảo hộ lao động		
		1531.01.01	Quần áo	Bộ	
		1531.01.02	Găng tay	Đôi	
		1531.01.03	Mũ	Cái	
		1531.01.04	Giày	Đôi	
		
	1531.02		Dụng cụ lao động		
		1531.02.01	Xẻng xúc	Cái	
		1531.02.02	Xe đẩy	Cái	
		
1532			Bao bì luân chuyển		
	1532.01		Thùng	Cái	
	1532.02		Bình chứa	Cái	
		

3.2.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu 3.3: Sổ giao nhận chứng từ

Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn
SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ
Năm

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày tháng			Người giao	Người nhận

3.2.3. Ý kiến thứ ba: Công ty nên hiện đại hóa công tác kế toán.

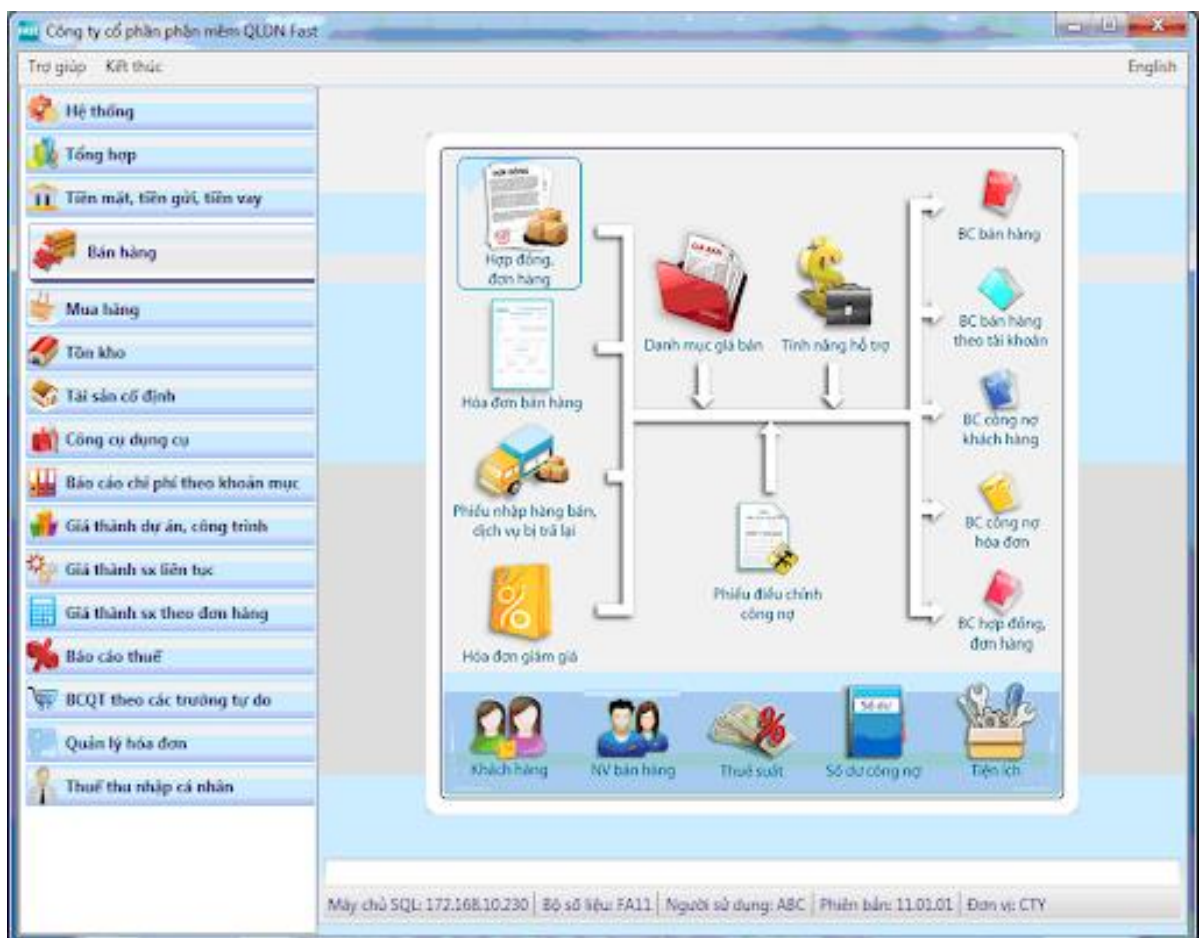
Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vì nó có nhiều ưu điểm hơn so với kế toán bằng Excel như:

- Quy trình nhập dữ liệu trên phần mềm kế toán thuận tiện và nhanh chóng.
- Phần mềm có tính năng tự động hóa, thay thế những thao tác tính toán thông thường, giúp hạn chế tối đa lỗi tính toán.
- Phần mềm kế toán có khả năng thống kê, xây dựng báo cáo theo yêu cầu.
- Việc ứng dụng phần mềm kế toán sẽ giúp cho việc theo dõi NVL, CCDC theo sổ danh điểm vật tư thuận lợi hơn.

Trong thời đại cả thế giới đang tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc đổi mới trong công tác kế toán thay vì sử dụng hình thức ghi chép cũ bằng những phần mềm kế toán hiện đại, tự động hóa sẽ giúp Công ty nâng cao được hiệu suất hoạt động và tính chính xác trong công tác kế toán.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay:

❖ Phần mềm kế toán FAST



Ưu điểm:

Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành.

Tốc độ xử lý tương đối tốt.

Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

Dễ dàng truy xuất thông tin

Nhược điểm:

Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

Độ bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

❖ Phần mềm kế toán MISA**Ưu điểm:**

Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành.

Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập. Khả năng thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu tốt.

Tính chính xác cao.

Độ bảo mật cao.

Nhược điểm:

Yêu cầu cấu hình máy tính cài đặt tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu. Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

Qua tìm hiểu một số phần mềm kế toán chuyên dùng hiện nay, em thấy phần mềm kế toán MISA là thích hợp sử dụng cho công ty. Bên cạnh những tính năng hữu hiệu, MISA là phần mềm phổ biến thường được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học hay trung tâm. Vì thế, việc áp dụng phần mềm này sẽ thuận lợi hơn, từ đó giúp giảm nhẹ công việc kế toán và áp lực cho nhân viên.

KẾT LUẬN

Đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn” đã nêu được một số vấn đề cơ bản sau:

❖ Về lý luận: Đã nêu ra một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và việc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

❖ Về thực tiễn:

- Phản ánh thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn qua số liệu năm 2019.

- Đánh giá những ưu, nhược điểm của công ty trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng.

- Đề xuất một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cụ thể gồm:

Thứ nhất Công ty nên lập sổ danh điểm vật tư cho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

Thứ hai Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ để quản lý chặt chẽ các chứng từ.

Thứ ba Công ty nên hiện đại hóa công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán.

Do thời gian và kiến thức bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi sai sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
Quyển I: Hệ thống tài khoản kế toán.
Quyển II: Báo cáo tài chính; Chứng từ và sổ kế toán; Báo cáo tài chính hợp nhất.
Nhà xuất bản kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - Năm xuất bản: 2015
2. Các sổ sách chứng từ của Công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn.
3. Hệ thống khóa luận các khóa trước của Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
4. Các tài liệu khác trên internet.